

LỜI MỞ ĐẦU

Việt Nam đang từng bước hội nhập vào nền kinh tế quốc tế, khi nền kinh tế thị trường đang trên đà phát triển, các mối quan hệ nảy sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh ngày càng trở nên phong phú và phức tạp, tạo ra sự cạnh tranh, thách thức đồng thời cũng tạo ra những điều kiện tiền đề, thời cơ mới.

Vì thế, trong bối cảnh vừa cơ hội vừa thách thức như hiện nay đặt các doanh nghiệp vào thế hoặc là đấu tranh để tồn tại, phát triển tạo dựng thương hiệu hoặc là thất bại và biến mất. Do đó, bất cứ một doanh nghiệp nào cũng tìm mọi biện pháp để nâng cao doanh thu, giảm thiểu chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ để có thể thu được lợi nhuận tối đa. Quả là một bài toán khó. Để có lời giải chính xác, các nhà quản lý doanh nghiệp phải nhận thức được vai trò của những thông tin kinh tế ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến doanh nghiệp như: quan hệ cung - cầu, mặt bằng giá cả, môi trường kinh doanh, thị hiếu khách hàng ... Vì vậy, công tác hạch toán kế toán là công cụ quản lý đắc lực, cung cấp thông tin cần thiết và chính xác cho nhà quản lý có thể thấy được tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Đồng thời cũng là căn cứ để các nhà quản lý đưa ra những quyết định, chiến lược phát triển phù hợp với doanh nghiệp trong tương lai. Hiểu được tầm quan trọng của các thông tin kế toán, các doanh nghiệp luôn muốn tổ chức công tác của mình thật hoàn chỉnh, mang lại kết quả cao trong kinh doanh.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán. Vì vậy em xin trình bày bài khoá luận về đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa”***.

Báo cáo gồm có 3 chương:

Chương 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

Chương 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU TIÊU THỤ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH NGHĨA.

Chương 3. NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH NGHĨA.

Từ thực tế tìm hiểu tại công ty được sự hướng dẫn tận tình của Thạc Sĩ Lê Thị Nam Phương và Cô Trương Thanh Hương trưởng phòng kế toán công ty giúp em hiểu sâu sắc hơn về tầm quan trọng của công tác kế toán. Tuy nhiên, nhận thức còn hạn chế và thời gian nghiên cứu chưa được nhiều nên bài làm của em không tránh khỏi những sai sót. Vậy em rất mong được sự đóng góp ý kiến, nhận xét chỉ bảo của các thầy cô trong Tổ bộ môn cũng như trong khoa.

Em xin chân thành cảm ơn !

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu hoá chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng. Với việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp các nhà quản trị doanh nghiệp sẽ nắm bắt được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đề ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư : Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên đề để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu và vay trong bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước,...

1.1.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

➤ Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong quản lý tài chính ở các doanh nghiệp, hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động về kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho yêu cầu quản lý tài chính nhà nước và yêu cầu quản lý kinh doanh, thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàngCung cấp thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và có chiến lược nắm bắt kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

➤ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.1.3 Những vấn đề cơ bản về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.

1.1.3.1 Khái niệm.

Doanh thu : Là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu thuần : được xác định bằng giá trị của các khoản đã thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

1.1.3.2. Các loại doanh thu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các hoạt động như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị thanh toán của số hàng đã bán và dịch vụ đã được thực hiện bao gồm cả thuế GTGT.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp, là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Cụ thể như lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính,

cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Thu nhập khác : Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.
- Thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã qua xử lý xoá sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Thu các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại.
- Thu nhập từ các khoản phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản thu nhập khác.

1.1.3.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu và thời điểm ghi nhận doanh thu

a. Điều kiện ghi nhận doanh thu

➤ **Ghi nhận doanh thu bán hàng** : Chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền lợi sở hữu sản phẩm hàng hoá cho người.
- ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như là người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- ✓ Giá trị các khoản doanh thu được xác định một cách chắc chắn.
- ✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng .

- Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như:

+ Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường, mà việc này không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường

+ Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua

+ Hàng hóa được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành

+ Khi người mua có quyền hủy bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

➤ **Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả 4 điều kiện sau :

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán (B01).
- ✓ Xác định được các chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ **Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:**

- Tiền lãi: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền hoặc các khoản tương đương tiền như: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu...

- Tiền bản quyền: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng Tài sản như: bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại...
- Cổ tức và lợi nhuận được chia: là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau :
 - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở :
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
 - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận).

b. Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng.

Khi hàng hóa được xác định là tiêu thụ, thời điểm đó được quy định như sau:

Phương thức bán hàng trực tiếp: Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

Phương thức gửi hàng: Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

Phương thức bán thông qua đại lý: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.

Phương thức bán hàng trả góp: Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

Phương thức bán hàng đổi hàng: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu sản phẩm đem trao đổi} \\ \text{=} \end{array} \quad \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{đem trao đổi} \end{array} \quad \times \quad \begin{array}{l} \text{Giá vốn trên thị trường tại thời} \\ \text{điểm thực hiện việc trao đổi} \end{array}$$

c. Các phương pháp xác định doanh thu.

- Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Giá trị hợp lý: Là giá trị tài sản có thể được thay đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được quy định tại chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác”, nếu không thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh thu.

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

1.1.3.4. Các khoản giảm trừ doanh thu.

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh việc bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần phải có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được hưởng doanh thu chiết khấu, nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá.

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

➤ **Chiết khấu thương mại**

Chiết khấu thương mại : Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua, bán hàng.

➤ **Giảm giá hàng bán**

Giảm giá hàng bán : Là số tiền giảm trừ cho khách hàng được người bán chấp nhận trên giá đã thỏa thuận vì lý do hàng bán kém phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

➤ **Hàng bán bị trả lại:**

Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm hợp đồng kinh tế, vi phạm cam kết, hàng bị mất, kém phẩm

chất, không đúng chủng loại, quy cách. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hoá đơn (nếu trả lại một phần hàng). Và đính kèm theo chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

➤ ***Thuế tiêu thụ đặc biệt***

Thuế TTĐB được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như bia, rượu, thuốc lá, ô tô...

➤ ***Thuế xuất khẩu***

Thuế xuất khẩu được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

➤ ***Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp***

Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu BH} \\ \text{thuần} \end{array} = \begin{array}{l} \text{DT bán hàng} \\ \text{DT BH} \\ \text{thuần} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết khấu TM} \\ \text{khấu} \\ \text{hàng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{DT BH bị trả lại} \\ \text{bị trả} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giảm bán} \\ \text{giá hàng} \\ \text{bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thuế TTĐB, thuế XK phải nộp, thuế GTGT trực tiếp} \end{array}$$

1.1.4. Chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.4.1 Khái niệm

Chuẩn mực số 01 “ Chuẩn mực chung” ban hành theo QĐ số 165/2002/QĐ – BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì :

Chi phí : Là các khoản biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

1.1.4.2 Các loại chi phí

Giá vốn hàng bán: Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

Chi phí bán hàng : Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Bao gồm các chi phí về lương công nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng khoản thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Chi phí hoạt động tài chính : Là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ lãi phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Chi phí khác : Là các chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt,...

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ :

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận từ các năm

trước.

1.1.5 Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa lợi nhuận thuần và giá vốn hàng bán.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Lợi nhuận ròng hay lãi ròng) là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm :

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2 Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1 Nguyên tắc hạch toán doanh thu.

Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia theo quy định tại chuẩn mực “ Doanh thu và thu nhập khác”, nếu không thoả mãn các điều kiện đó thì không hạch toán vào doanh thu.

Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

Trường hợp hàng hoá hoặc dịch vụ trao đổi lấy hàng hoá, dịch vụ tương đương về bản chất thì không được ghi nhận doanh thu.

Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như : chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu: doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng khoản doanh thu, như doanh thu bán hàng có thể được chi tiết thành doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá,... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin kế toán để quản trị doanh nghiệp và lập báo cáo tài chính.

Cuối kỳ kế toán doanh nghiệp phải xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ doanh thu thuần thực hiện trong kỳ kế toán được kết chuyển sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

➤ **Các loại hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Các hoạt động bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

➤ **Các loại doanh thu theo hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Doanh thu bán hàng hoá
- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn thông thường (Mẫu số 01 GTKT-3LL)
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 02 GTTT-3LL)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 03 P XK-3LL)
- Phiếu thu tiền mặt (Mẫu số 01-TT)
- Giấy báo có của ngân hàng,...

➤ **Sổ sách sử dụng**

- Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra
- Nhật ký chung
- Sổ cái Tài khoản 511, 512
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kết cấu tài khoản 511 :

NỢ	CÓ
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế TTĐB, thuế XNK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng xác định đã bán trong kỳ kế toán .- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.- Kết chuyển TK 911- xác định kết quả kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ thực hiện trong kỳ kế toán.

Không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ:

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

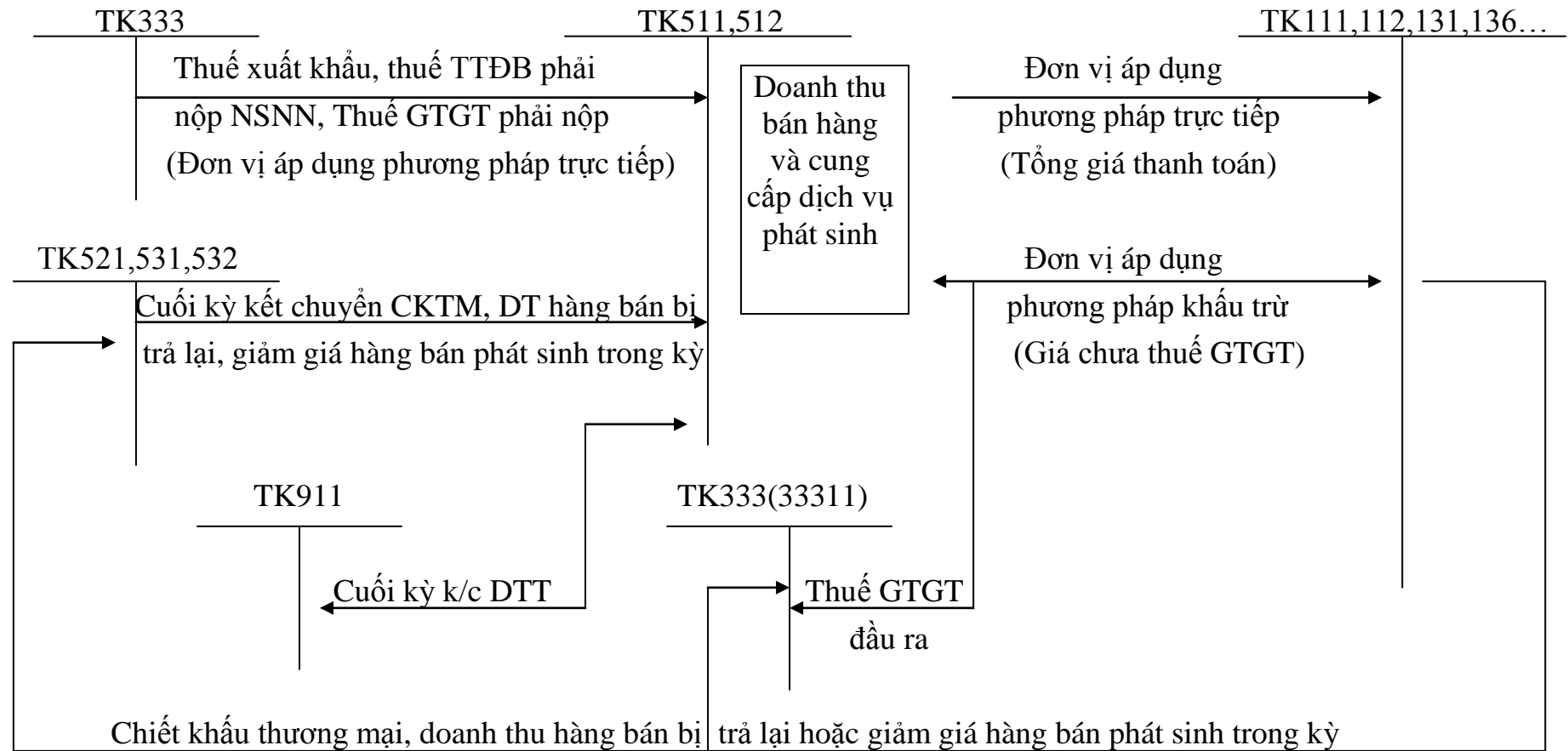
TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Kết cấu tài khoản 512

NỢ	CÓ
<ul style="list-style-type: none">- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm. hàng hoá dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.- Số thuế TTĐB phải nộp của hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ.- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp.- Kết chuyển vào TK 911- xác định kết quả kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none">- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ



1.2.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**1.2.3.1 Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01-GTKT-3LL)
- Phiếu chi
- Phiếu nhập
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng :**➤ Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng do khách hàng đã mua với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng hoá).

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “ Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng.

Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá bán đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521.

TK 521 gồm 3 tài khoản cấp 2

TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá

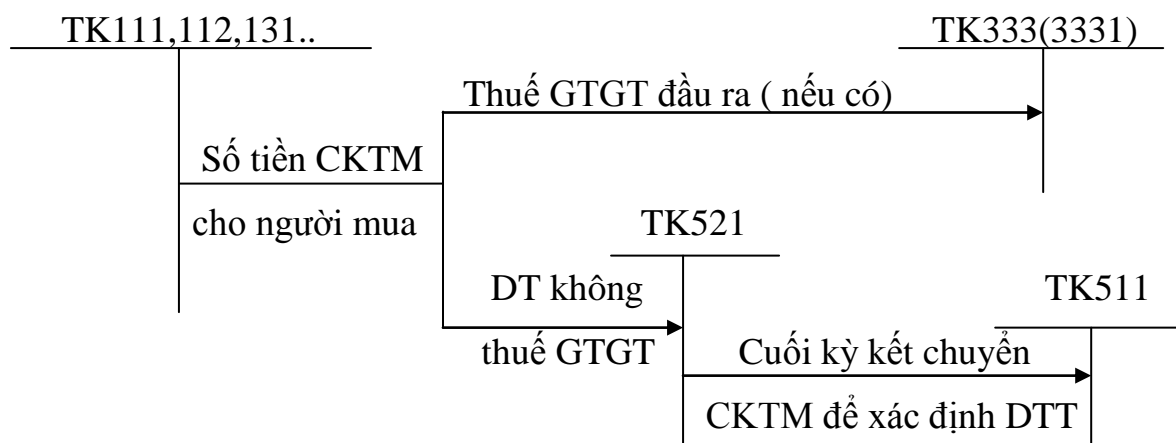
TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

Kết cấu tài khoản 521

NỢ	CÓ
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
Không có số dư cuối kỳ	

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán tổng hợp chiết khấu thương mại



➤ **Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại**

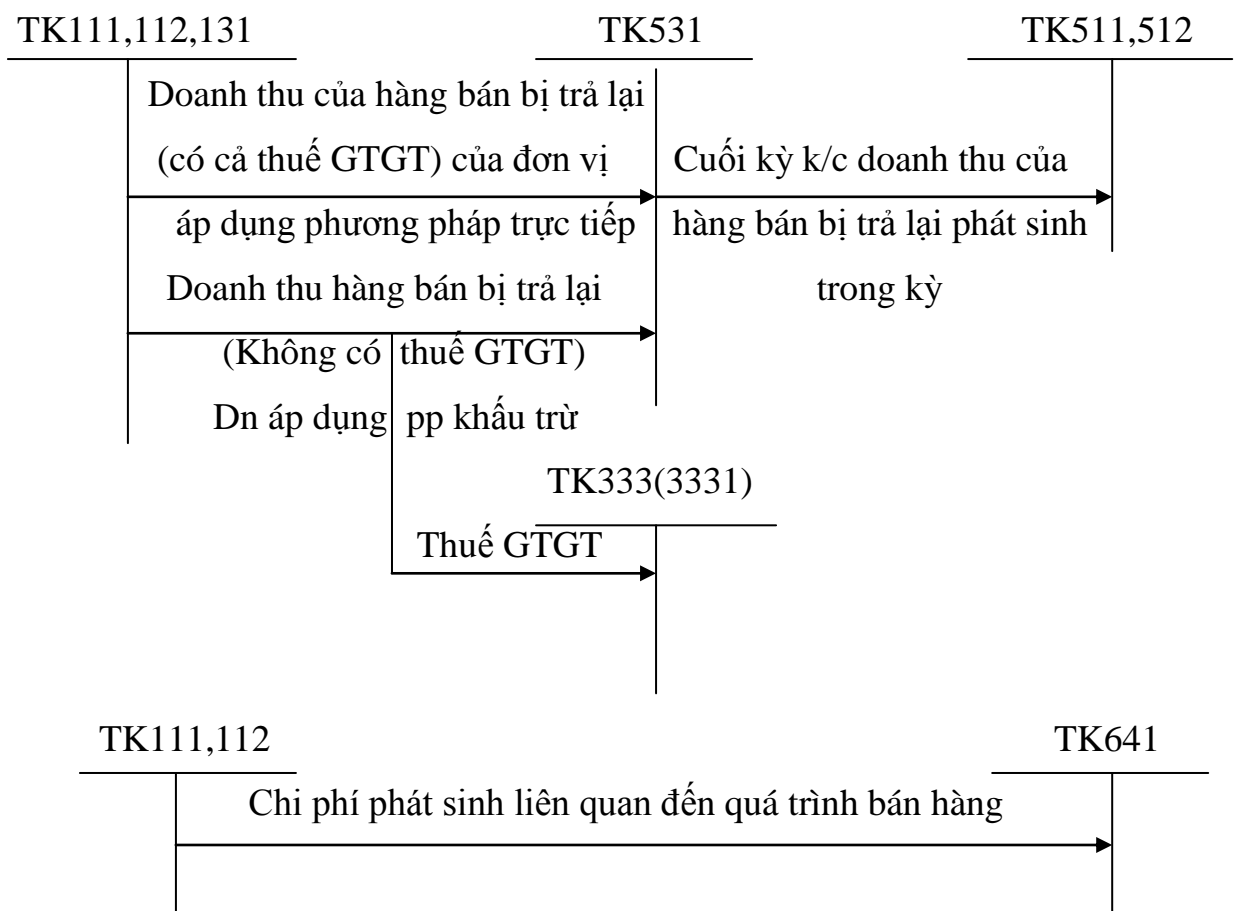
Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác liên quan tới hàng bán bị trả lại mà DN phải chi được phản ánh vào TK 641- Chi phí bán hàng.

Trường hợp hàng bán bị trả lại vào kỳ kế toán sau, tức là trước đây đã ghi nhận doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán phản ánh doanh thu, thuế GTGT của hàng bán bị trả lại ghi nhận vào chi phí của kỳ này, trị giá vốn của hàng bán bị trả lại nhập kho ghi nhận vào doanh thu kỳ này.

Kết cấu tài khoản :

NỢ	CÓ
- Trị giá hàng bán bị trả lại	- Kết chuyển vào bên nợ TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Không có số dư cuối kỳ	

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán tổng hợp hàng bán bị trả lại



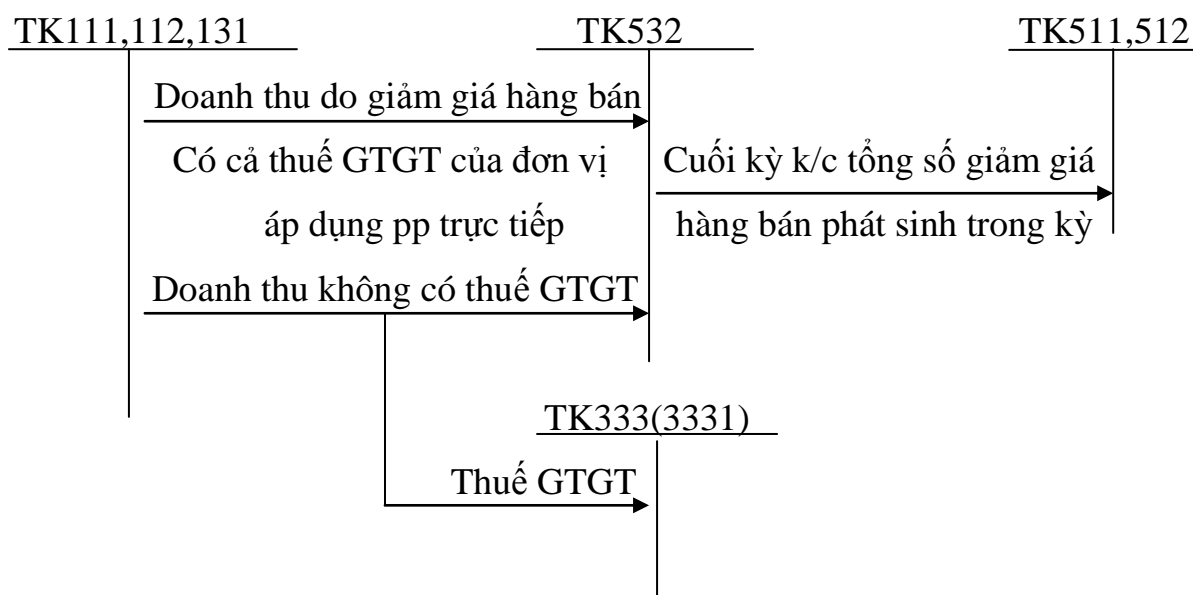
➤ **Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Kết cấu tài khoản 532

NỢ	CÓ
- Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng.	- Kết chuyển vào bên nợ TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Không có số dư cuối kỳ	

Sơ đồ 1.4 : Sơ đồ kế toán tổng hợp giảm giá hàng bán



➤ **Các khoản thuế làm giảm doanh thu bao gồm:**

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Thuế xuất khẩu
- Thuế tiêu thụ đặc biệt(TTĐB)

Phản ánh thuế GTGT (PP trực tiếp) phải nộp :

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT

Phản ánh thuế xuất khẩu phải nộp :

Nợ TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3333 - Thuế xuất khẩu

Phản ánh thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt

Xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) phải nộp :

$$\frac{\text{Thuế TTĐB phải nộp}}{\text{phải nộp}} = \frac{\text{Giá bán hàng}}{1 + \text{thuế suất}} \times \text{Thuế suất}$$

1.2.4 Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.4.1. Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán

Theo chuẩn mực 02 – “Hàng tồn kho” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau :

➤ **Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ hoặc sau mỗi lần nhập**

Theo phương pháp này thì trị giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân.

Công thức tính:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

Trong đó: Đơn giá bình quân được xác định cho từng loại vật tư.

- Khi tính đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ thì khối lượng công việc tính toán sẽ giảm bớt nhưng thông tin sẽ không được cung cấp kịp thời vì chỉ tính được trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho vào thời điểm cuối kỳ.

- Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều nhưng sẽ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp áp dụng kế toán máy. Áp dụng phương pháp này kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn lại sau mỗi lần xuất.

➤ **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

➤ **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập sau cùng thì sẽ xuất trước. Lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

➤ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, trị giá vốn hàng xuất kho được xác định dựa trên giá định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Hợp đồng kinh tế

- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

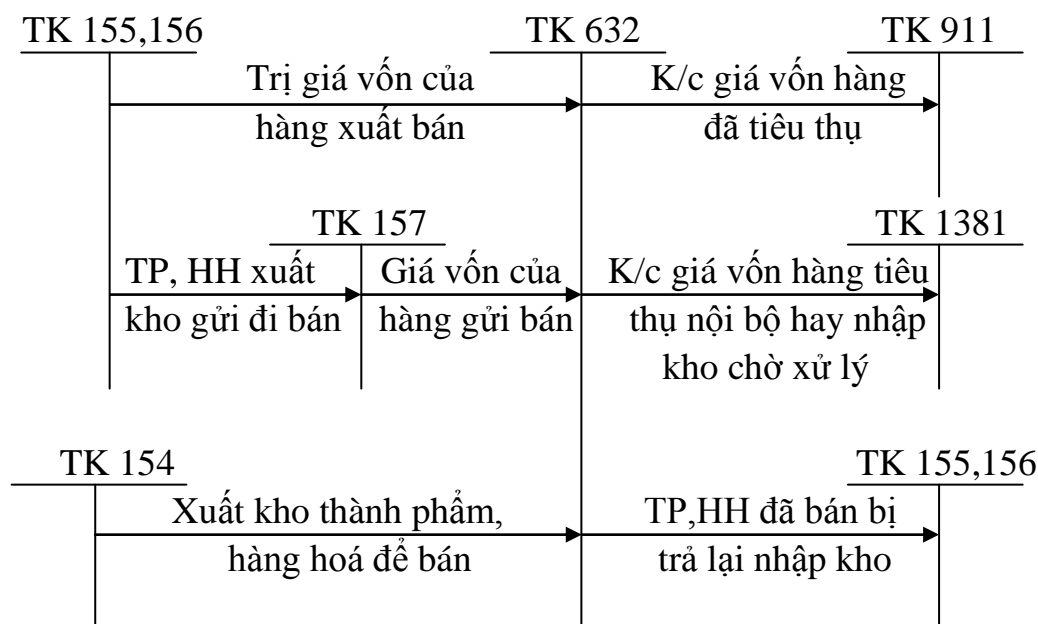
TK này phản ánh trị giá hàng hoá, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hóa kế toán phải lập phiếu xuất kho là căn cứ để xuất hàng hóa, đồng thời là cơ sở để vào sổ chi tiết hàng hóa. Khi bán hàng cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu XK, hóa đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng hóa để lập báo cáo bán hàng.

Kết cấu tài khoản

NỢ	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. - Các khoản khác được tính vào TK 632 trong kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ - Kết chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.
Không có số dư cuối kỳ	

Sơ đồ 1.5 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX



1.2.5 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

Các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương (Mẫu số 01-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, CCDC (Mẫu số 07-VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 02-TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng.

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng:

➤ **TK641-Chi phí bán hàng** : dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bao gồm chi phí bảo quản, đóng gói, giới thiệu sản phẩm...

TK 641 có 7 TK cấp 2 như sau:

- 6411: Chi phí nhân viên mua hàng
- 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
- 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong bán hàng

- 6415: Chi phí bảo hành sản phẩm
- 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6418: Chi phí khác bằng tiền.

Kết cấu tài khoản

NỢ	CÓ
- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.	- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán. - Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh, hoặc kết chuyển CPBH vào TK 142(242) “chi phí trả trước” để chờ phân bổ.

Không có số dư cuối kỳ

➤ **TK642-Chi phí quản lý doanh nghiệp:** dùng để phản ánh các chi quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán.

TK 642 có 8 tài khoản cấp 2 như sau:

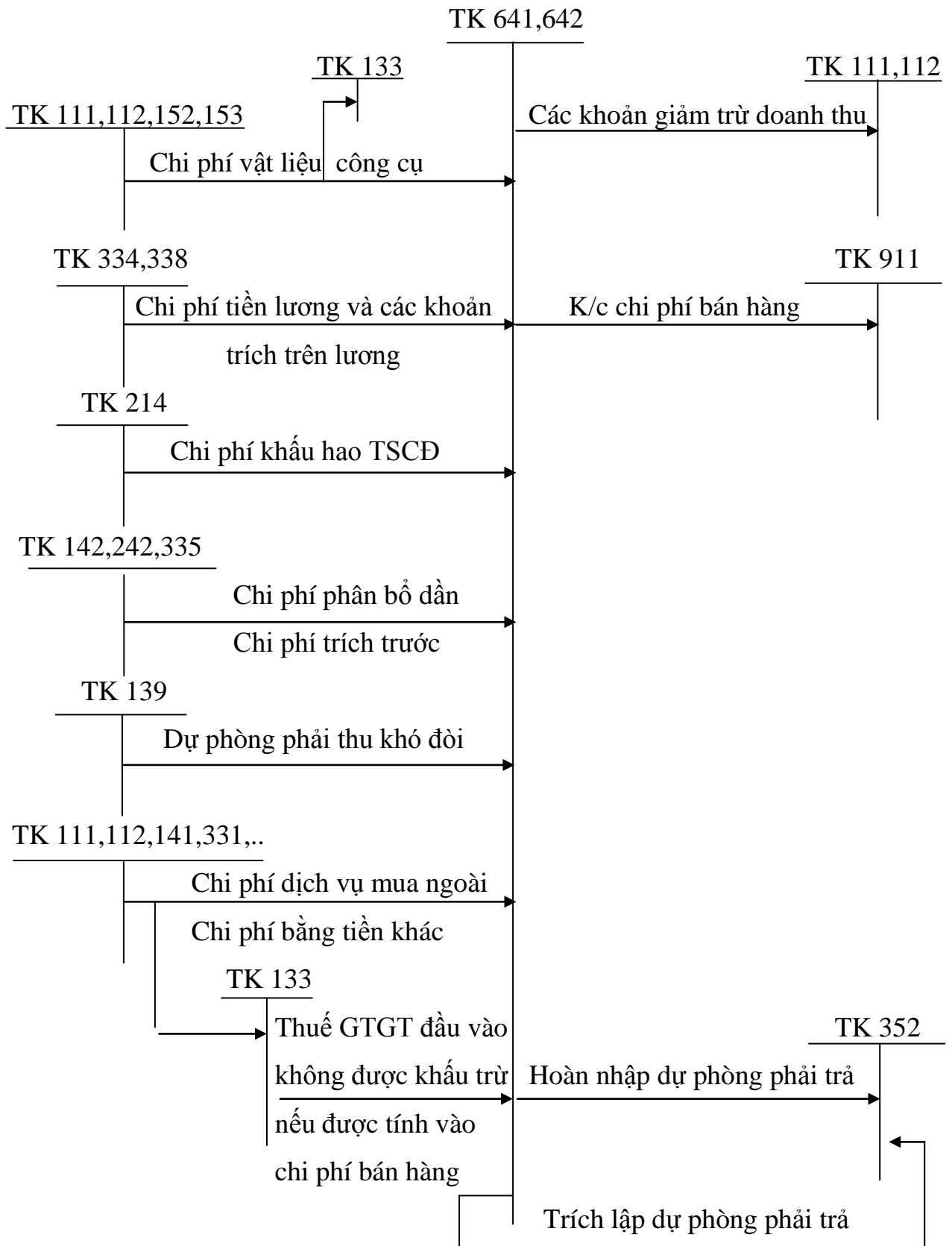
- | | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|
| - 6421: Chi phí nhân viên quản lý | - 6425: Thuế, phí, lệ phí |
| - 6422: Chi phí vật liệu quản lý | - 6426: Chi phí dự phòng |
| - 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng | - 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài |
| - 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ | - 6428: Chi phí khác bằng tiền |

Kết cấu tài khoản

NỢ	CÓ
- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.	- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả - Kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh hoặc kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 142 “chi phí trả trước” để chờ phân bổ.

Không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.6. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

Các chứng từ có liên quan đến doanh thu tài chính và chi phí tài chính:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo lãi của ngân hàng
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các hợp đồng vay vốn
- Biên bản góp vốn liên doanh liên kết
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.6.2 .Tài khoản sử dụng

➤ **TK515-Doanh thu tài chính:** dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản :

NỢ	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh. - Chiết khấu thanh toán được hưởng - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Không có số dư cuối kỳ

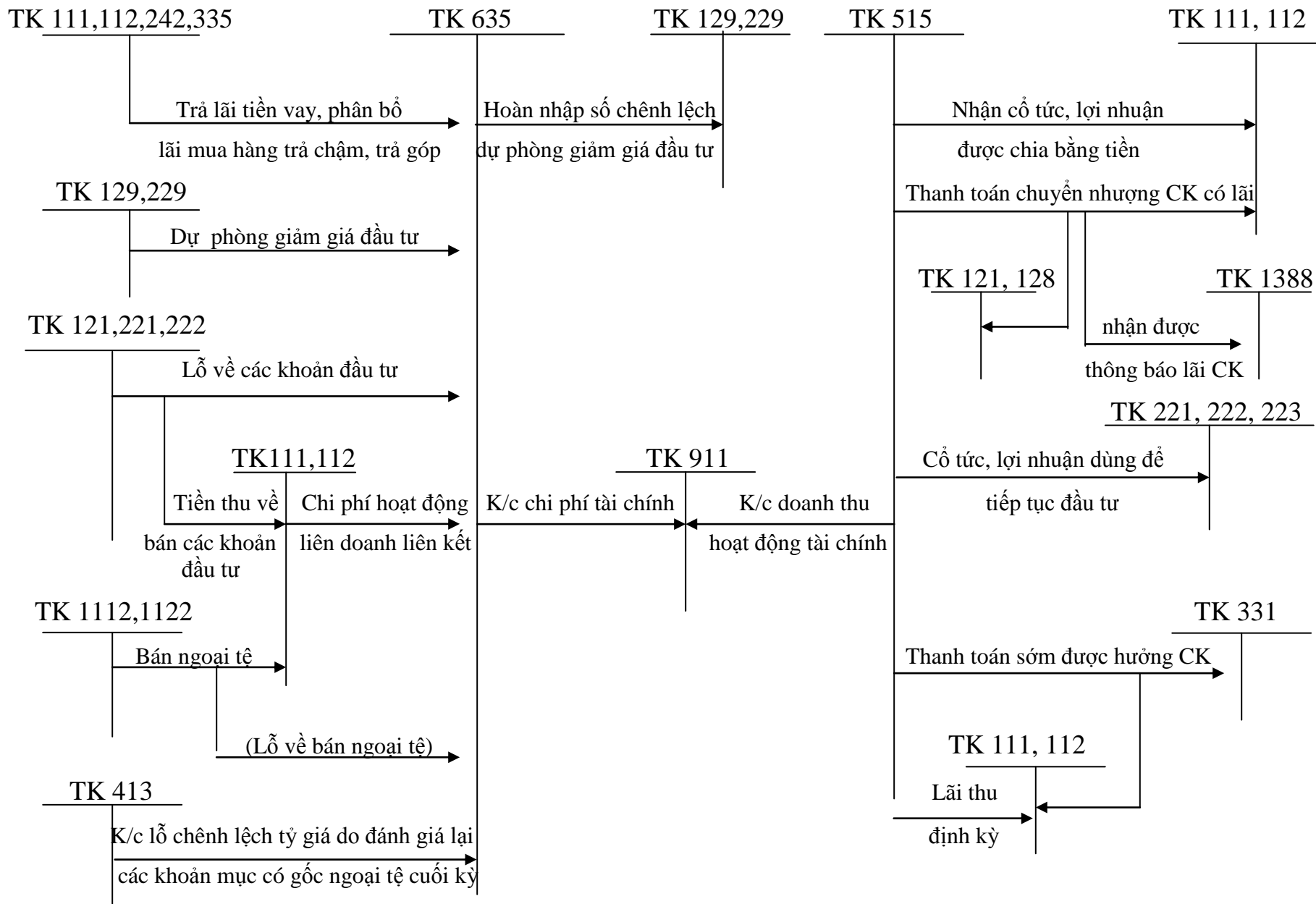
➤ **TK 635-Chi phí tài chính:** là khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, dự phòng giảm giá ...

Kết cấu tài khoản

NỢ	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính - Lỗ bán ngoại tệ. - Chiết khấu thanh toán cho người mua. - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư ngắn hạn. - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá đã thực hiện). - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện). - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư, XD/CB (lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính). - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết) - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.7.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.7.2 Tài khoản sử dụng

➤ **TK 711-Thu nhập khác** : dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

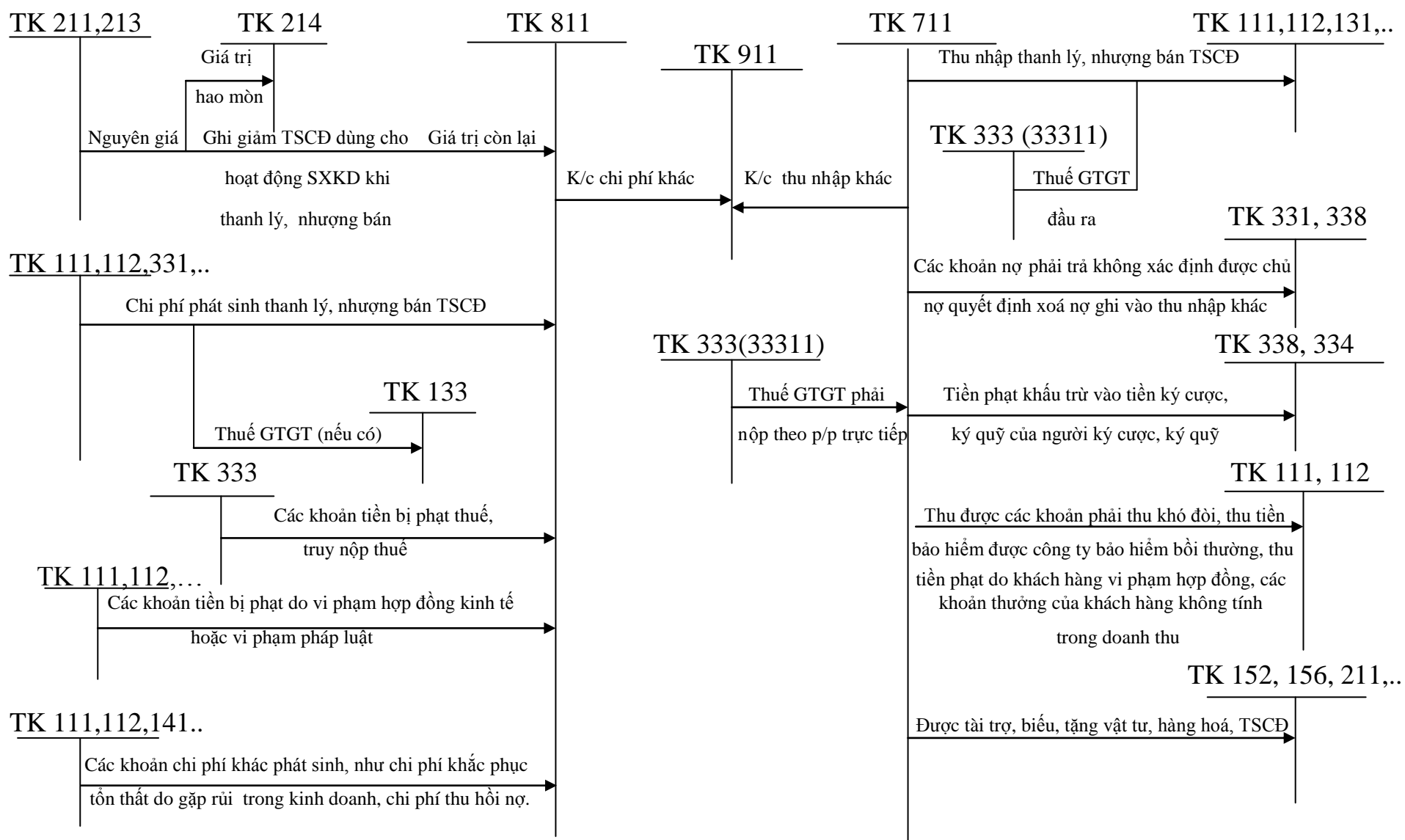
NỢ	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) - Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh	- Các khoản thu nhập khác phát sinh
Không có số dư cuối kỳ.	

➤ **TK 811- Chi phí khác** : dùng để phản ánh các khoản chi phí của hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản

NỢ	CÓ
- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.
Không có số dư cuối kỳ	

Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán thu nhập và chi phí khác



1.2.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2.8.1 Chứng từ sử dụng

- Bảng tổng hợp doanh thu trong doanh nghiệp
- Bảng tổng hợp chi phí trong doanh nghiệp

1.2.8.2 Tài khoản sử dụng

TK 821 - chi phí thuế TNDN: bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

TK 821 không có số dư cuối kỳ và có 2 TK cấp 2 như sau:

- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

1.2.8.3 Phương pháp kế toán chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN hiện hành : Là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

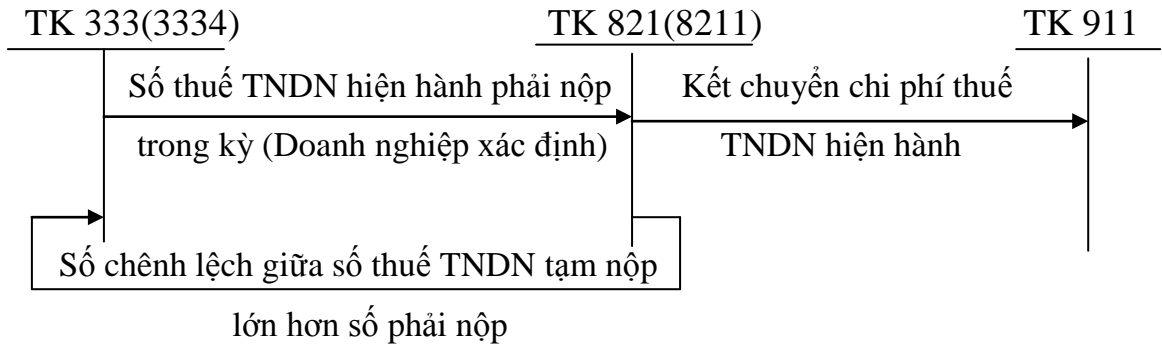
Chi phí thuế TNDN hoãn lại : Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Tài khoản này sử dụng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

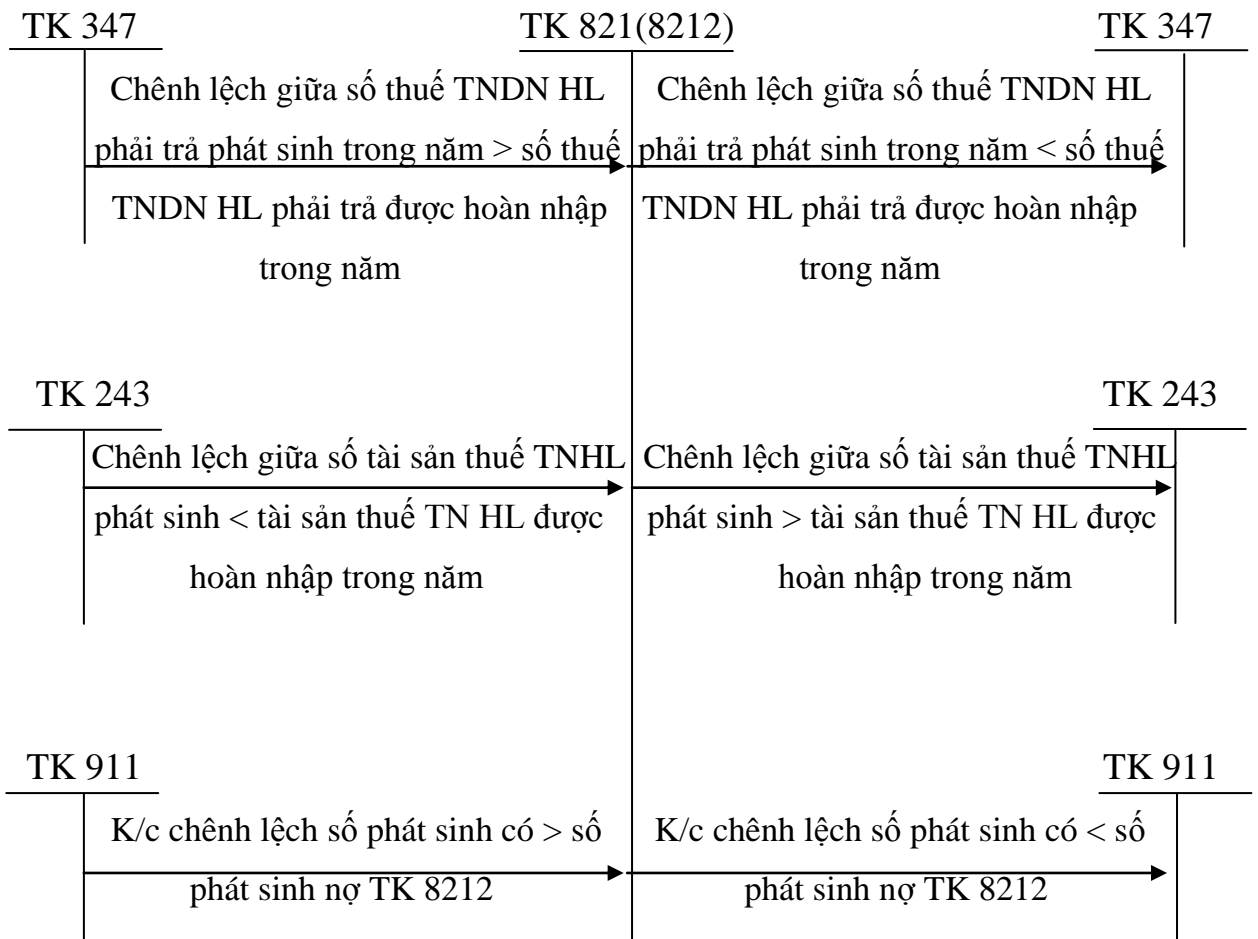
Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu nhập chịu} & & \text{DT để tính thu nhập} & & \text{CP hợp lý} & & \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế trong năm} & = & \text{chịu thuế trong năm} & - & \text{trong năm} & + & \text{thuế khác trong} \\ \text{tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{năm tính thuế} \end{array}$$

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán tổng hợp thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



1.2.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm hàng hoá, lao vụ, dịch vụ), chi phí bán hàng và chi phí quản lí doanh nghiệp.

1.2.9.1 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.9.2 Tài khoản sử dụng:

➤ **TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để phản ánh xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Kết cấu tài khoản

NỢ	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá dịch vụ bán ra trong kỳ - Chi phí bán hàng, chi phí quản lí doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN, chi phí khác - Kết chuyển lãi 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ. - Doanh thu thuần hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác. - Kết chuyển lỗ

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.9.3. Nguyên tắc hạch toán:

Kế toán sử dụng TK911 để xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán như sau:

- Cuối mỗi tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển:

+ Doanh thu bán hàng thuần, doanh thu hoạt động tài chính sang bên có TK 911

+ Chi phí QLDN, trị giá vốn hàng bán, chi phí tài chính và chi phí thuế TNDN sang bên nợ TK911.

- Xác định kết quả kinh doanh:

+ Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán doanh nghiệp thực hiện bút toán kết chuyển lỗ sang bên Nợ TK 421-LN sau thuế.

Hạch toán :

Nợ TK421 :(SPS Nợ TK 911 - SPS Có TK 911)

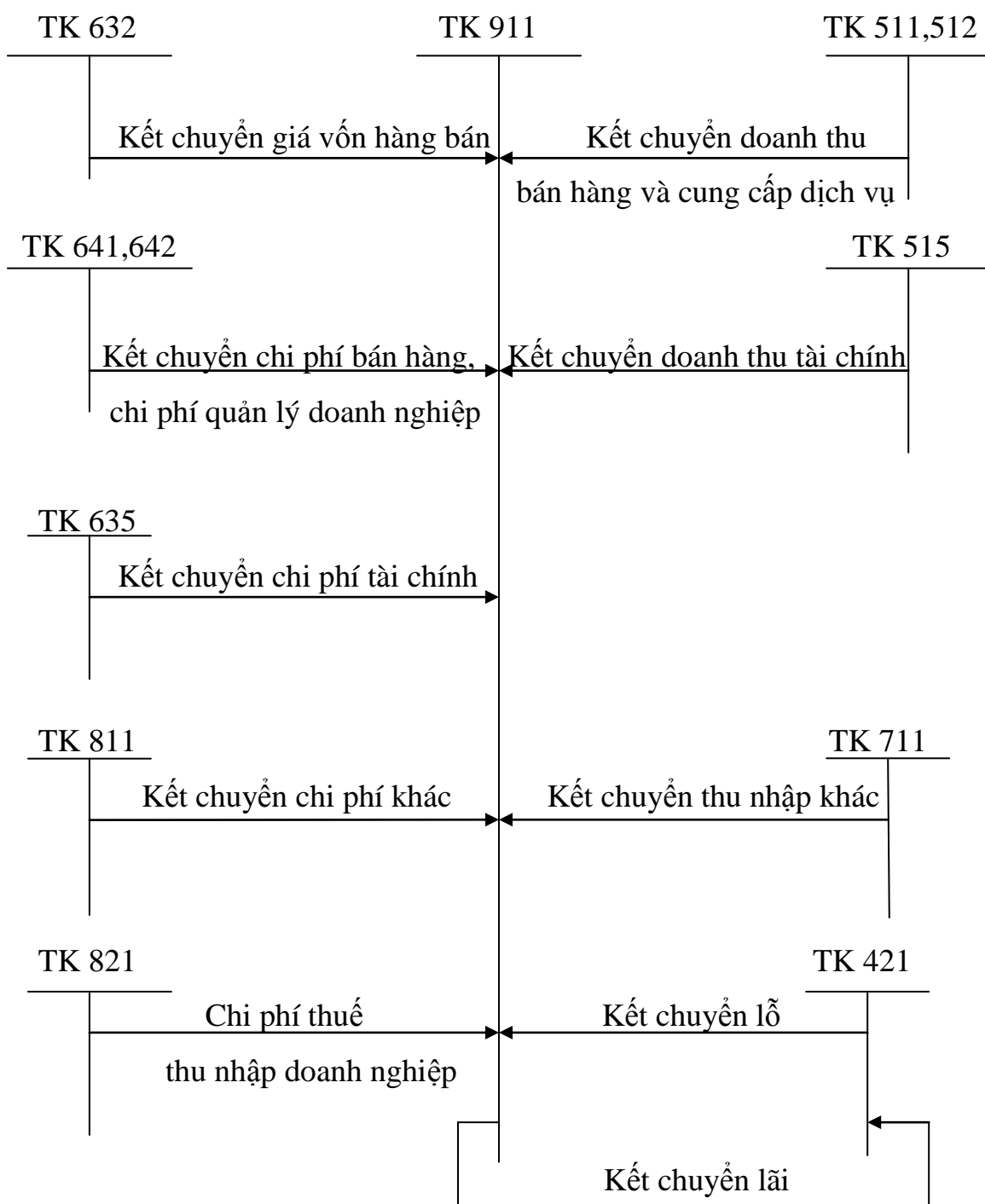
Có TK911

+ Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán tính thuế TNDN phải nộp và thực hiện bút toán kết chuyển lãi:

Nợ TK911

Có TK421(SPS Có TK911 - SPS Nợ TK911)

Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3 Hình thức tổ chức kế toán và tổ chức bộ máy kế toán trong doanh nghiệp.

1.3.1 Các hình thức kế toán.

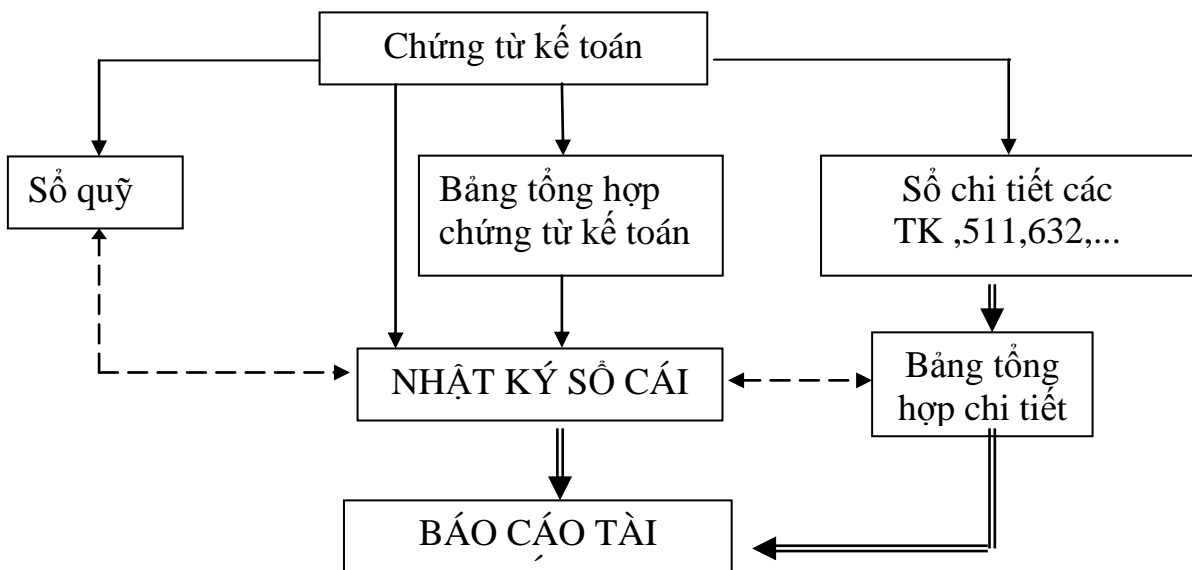
Hình thức kế toán là hình thức kết hợp các loại sổ kế toán khác nhau về chức năng ghi chép, về kết cấu, về nội dung phản ánh theo một trình tự hạch toán nhất định trên cơ sở của chứng từ gốc nhằm cung cấp các chỉ tiêu cần thiết cho việc lập báo cáo kế toán theo trình tự và phương pháp nhất định.

Các hình thức kế toán sau được áp dụng trong các doanh nghiệp:

➤ **Hình thức Nhật ký - Sổ cái**

Hình thức này, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Sổ này hạch toán tổng hợp duy nhất, kết hợp phản ánh theo thời gian và theo hệ thống. Tất cả các tài khoản doanh nghiệp sử dụng được phản ánh cả hai bên Nợ - Có trên cùng một vài trang sổ. Căn cứ ghi sổ là chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc, mỗi chứng từ ghi một dòng vào Nhật ký – Sổ cái.

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái



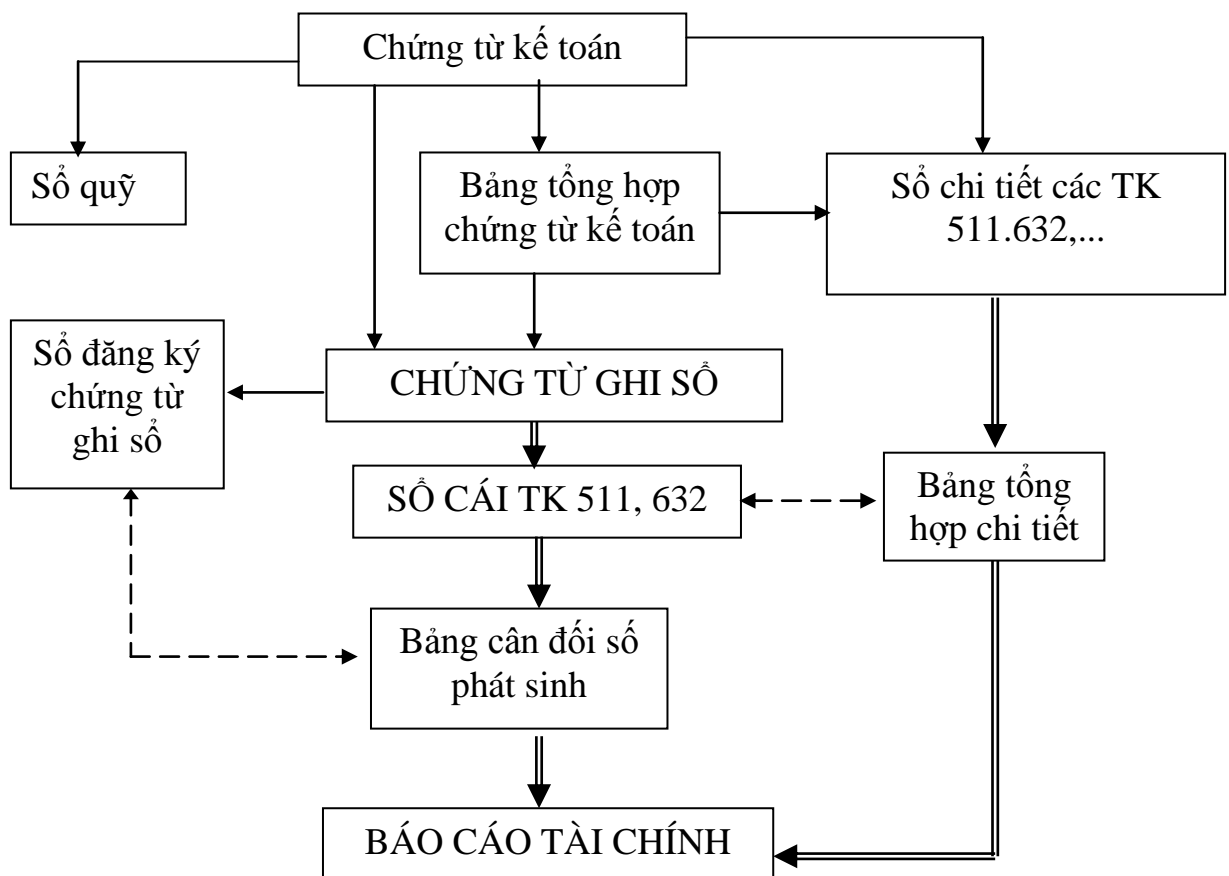
Ghi chú \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng
 \longleftrightarrow Đối chiếu

➤ **Hình thức Chứng từ ghi sổ**

Hình thức này thích hợp với mọi loại hình doanh nghiệp, thuận tiện cho việc áp dụng máy tính. Tuy nhiên ghi chép bị trùng lặp nhiều nên việc báo cáo dễ bị chậm trễ nhất là trong điều kiện thủ công.

Sổ sách hình thức này gồm: Sổ cái, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Bảng cân đối tài khoản, các thẻ và sổ hạch toán chi tiết.

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú

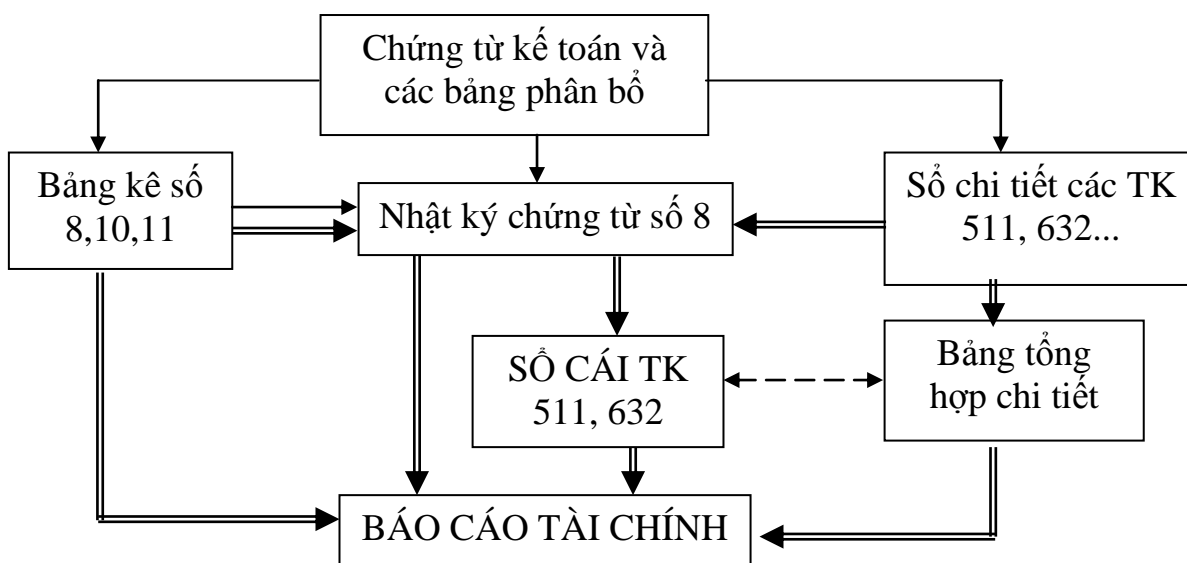
- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

➤ **Hình thức Nhật ký - Chứng từ**

Hình thức này thích hợp với doanh nghiệp lớn, số lượng nghiệp vụ nhiều và điều kiện hạch toán thủ công, dễ chuyên môn hoá cán bộ kế toán. Tuy nhiên đòi hỏi nghiệp vụ kế toán phải cao.

Sổ sách hình thức này bao gồm: Sổ Nhật ký - Chứng từ, Sổ cái, Bảng kê, Bảng phân bổ, Sổ chi tiết.

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ



- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi cuối tháng
 - ← - - - → Đối chiếu

➤ **Hình thức Nhật ký chung**

Hình thức này phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào Sổ NKC lấy số liệu để ghi vào Sổ Cái. Mỗi bút toán phản ánh trong sổ NKC được chuyển vào sổ cái ít nhất cho hai TK có liên quan.

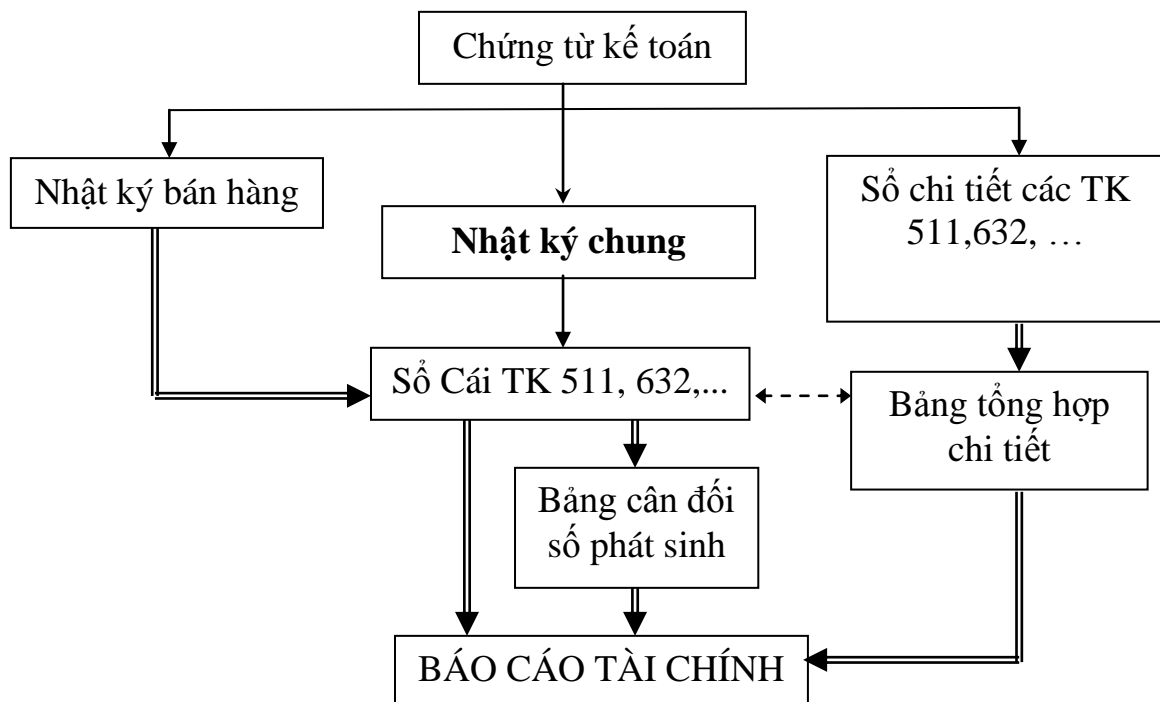
Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt.
- Sổ cái tài khoản.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Việc áp dụng hình thức kế toán nào là tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm kinh doanh và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Mỗi hình thức kế toán có những nhược điểm, ưu điểm và điều kiện áp dụng nhất định vì vậy doanh nghiệp phải lựa chọn hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình.

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày .
- ====> Ghi cuối tháng
- ← - - - → Đối chiếu

➤ **Hình thức kế toán trên máy vi tính.**

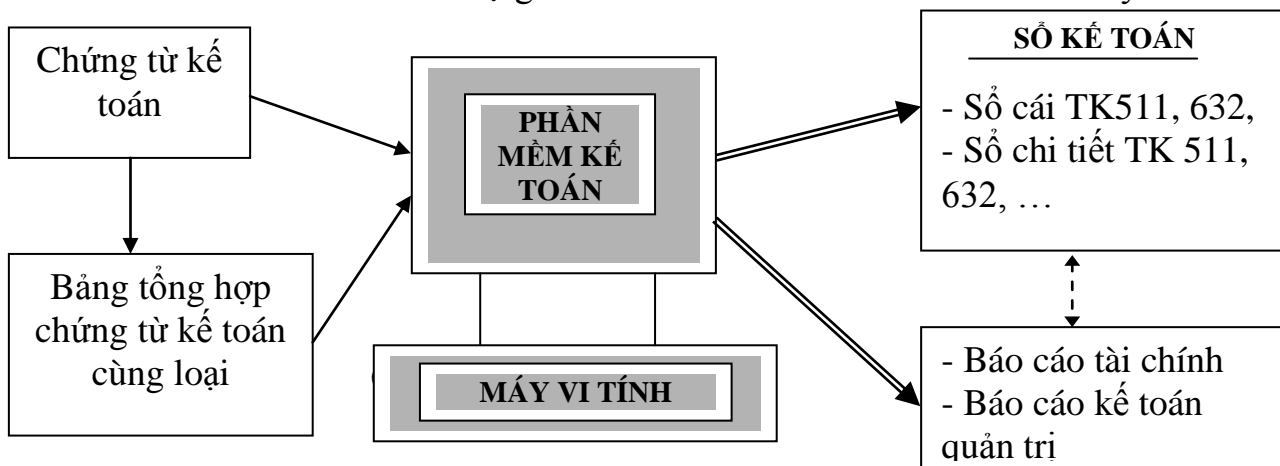
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính.

Theo quy trình của phần mềm kết toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan

Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←-.-> Đối chiếu

1.3.2. Tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán là tập hợp những cán bộ, nhân viên kế toán cùng với những trang thiết bị, phương tiện, kỹ thuật tính toán để thực hiện toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán thực hiện nhiều khâu công việc kế toán (phần hành kế toán). Các chủ doanh nghiệp và kế toán trưởng căn cứ vào đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp mình để lựa chọn một mô hình hợp lý nhất.

1.3.2.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung.

Theo mô hình này, toàn doanh nghiệp tổ chức một phòng kế toán (ở đơn vị chính) làm nhiệm vụ hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo kế toán, phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán toàn doanh nghiệp. Ở các đơn vị phụ thuộc chỉ bố trí các nhân viên kế toán làm nhiệm vụ thu thập chứng từ,

kiểm tra và xử lý sơ bộ chứng từ, gửi các chứng từ về phòng kế toán của doanh nghiệp theo đúng định kỳ.

Mô hình này phù hợp với những doanh nghiệp quy mô nhỏ, địa bàn hoạt động tập trung và vận dụng cơ giới hoá trong công tác kế toán.

1.3.2.2 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán phân tán.

Theo mô hình này, bộ máy kế toán của toàn doanh nghiệp bao gồm phòng kế toán ở đơn vị chính và các tổ (ban) kế toán ở các đơn vị phụ thuộc. Tùy theo yêu cầu và mức độ phân cấp hạch toán để xác định cơ cấu các bộ phận kế toán thích hợp.

Mô hình này phù hợp với những doanh nghiệp có quy mô lớn, địa bàn hoạt động phân tán, có nhiều đơn vị phụ thuộc ở xa và hoạt động tương đối độc lập

1.3.2.3. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán.

Mô hình này là sự kết hợp của mô hình kế toán tập trung và phân tán.

Chương 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH NGHĨA.

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH NGHĨA.

2.1.1. Quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa.

Tên công ty : Công ty TNHH Thương Mại MINH NGHĨA

Email : minhnghiatrade@hn.vnn.vn

Trụ sở chính : 53 Hùng Vương, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại : 0084 - 31 - 3824009

Fax : 0084 - 31 - 3824541

Địa chỉ xưởng : Km95 + 300 Đường 5 mới, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại : 0084 - 31 - 3500641

Fax : 0084 - 31 - 3538745

Mã số thuế : 0200431003

Vốn điều lệ công ty : 2.500.000.000 đồng

❖ Ngành nghề kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202000352 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 27 tháng 7 năm 2001, ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị công nghiệp.
- Kinh doanh vật liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng.
- Kinh doanh hoá chất thông đường, sắt thép xây dựng, thép chế tạo, sắt thép phế liệu.
- Sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị công nghiệp.
- Lĩnh vực xây lắp điều hoà nhiệt độ, hệ thống điện lạnh.

- Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị công nghiệp nhập khẩu 100% từ nước ngoài như Đức, Ba Lan, Hàn Quốc, Đài Loan ...

Sau 10 năm hoạt động Công ty TNHH Thương Mại Minh Nghĩa chuyên kinh doanh máy móc, vật tư, thiết bị công nghiệp nhập khẩu được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại đã liên tục phát triển và không ngừng lớn mạnh. Và hai yếu tố cơ bản, được coi trọng hàng đầu trong mục tiêu phát triển của công ty TNHH Thương Mại Minh Nghĩa “Chất lượng và chữ tín”.

❖ Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH TM Minh Nghĩa.

Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa được thành lập ngày 27 tháng 7 năm 2001, là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư công nghiệp được nhập khẩu từ nước ngoài Thụy Điển, Ba Lan, Đức, Trung Quốc ... Đến nay, năm 2011 công ty đã có 10 năm xây dựng và phát triển khẳng định vị thế trong nền kinh tế hiện nay.

Công ty có xưởng cơ khí được trang bị đầy đủ thiết bị, máy móc, gia công các thiết bị phụ kiện đáp ứng trong lĩnh vực công nghiệp. Đồng thời đội ngũ công nhân cơ khí lành nghề được đào tạo chuyên môn vững chắc, có khả năng gia công các phụ kiện đáp ứng việc xây dựng các công trình với độ chính xác cao.

Những năm gần đây công ty TNHH Thương Mại Minh Nghĩa bắt đầu nhập khẩu các loại động cơ điện từ 1/2Hp đến 500Hp được sản xuất trên dây chuyền công nghệ của Đài Loan và Đức.

Công ty luôn không ngừng phát triển với sự đa dạng hoá về sản phẩm và xây dựng hình thành một mạng lưới đại lý từ Bắc vào Nam. Thị trường đang được công ty TNHH thương mại Minh Nghĩa hướng tới là các tỉnh phía nam như các thành phố công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, Quy Nhơn, ...

Cùng với đội ngũ kỹ sư, thợ lành nghề có nhiều năm kinh nghiệm được đào tạo, trang bị những kiến thức vững vàng về công nghệ hiện đại trong các lĩnh vực đã cho ra sản phẩm máy hàn Hàn Quốc và rất được ưu chuộng sử dụng rộng rãi trên thị trường Hải Phòng cũng như các tỉnh lân cận như Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, Quảng Ninh, Hải Dương ...

Cạnh đó là mạng lưới dịch vụ sửa chữa các loại máy móc thiết bị công nghiệp với các nhân viên kỹ thuật lành nghề có đầy đủ kiến thức và kinh nghiệm luôn sẵn sàng phục vụ Quý khách hàng.

❖ **Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH TM Minh Nghĩa.**

Công ty TNHH Thương Mại Minh Nghĩa hoạt động trong lĩnh vực thương mại chuyên cung cấp các sản phẩm máy móc thiết bị công nghiệp, do đó công ty không có khâu tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh để tính giá thành sản phẩm.

Bên cạnh đó Công ty còn nhập khẩu các các thiết bị hay máy móc công nghiệp được sản xuất 100% trên dây chuyền công nghệ hiện đại từ các nước Đức, Ba Lan, Hàn Quốc...Chính vì vậy các sản phẩm của công ty được nhiều khách hàng tin cậy đảm bảo chất lượng.

Công ty vừa duy trì hình thức bán lẻ vừa là đại lý chính thức cho các hãng và phân phối cho các công ty và cửa hàng kinh doanh trên toàn quốc.

Đồng thời trang bị đội ngũ nhân viên kỹ thuật lắp đặt sửa chữa, gia công các máy móc, thiết bị cũ đã qua sử dụng.

Là một doanh nghiệp luôn đặt sự hài lòng của khách hàng, uy tín, chất lượng sản phẩm cũng như chất lượng các dịch vụ hậu mãi là phương châm, khẩu hiệu để phấn đấu và phát triển.

❖ **Đặc điểm về sản phẩm, hàng hoá :**

Bản chất công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa là một doanh nghiệp thương mại hoạt động kinh doanh, buôn bán chủ yếu các loại máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp và nhận hàng gia công sửa chữa nên hàng tồn kho của công ty bao gồm các mặt hàng máy móc công nghiệp, động cơ điện ...

Hàng hoá là các sản phẩm do công ty nhập về từ các cửa hàng trên toàn quốc, có những mặt hàng được nhập khẩu 100% từ nước ngoài Trung Quốc, Đức, Hà Lan,..Với đủ các chủng loại mặt hàng theo nhu cầu của khách hàng đến với công ty luôn hài lòng với chất lượng sản phẩm.

Một số mặt hàng chủ yếu của công ty

- Động cơ điện : Động cơ điện 1 pha.

Động cơ điện 3 pha của Đài Loan.

Động cơ điện 3 pha của Đức.

Động cơ điện 1 chiều.

Động cơ điện ruột quấn dây.

- Củ phát điện : Củ phát điện 1 pha

Củ phát điện 3 pha.

- Động cơ phòng nổ.

- Máy hàn.

- Máy bơm : Bơm khí, Bình khí.

- Máy nén khí, Hộp giảm tốc.

- Động cơ cũ.

❖ **Thuận lợi :**

Nằm ở vị trí địa lý hết sức thuận lợi **Km95 + 300 Đường 5 mới, Hồng Bàng, Hải Phòng** là điểm giao thông thuận tiện liên thông sang các vùng lân cận, các thành phố công nghiệp như Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Bình...

Theo xu thế phát triển nền kinh tế công nghiệp hoá, hiện đại hoá máy móc thay thế sức lao động của con người, những công việc nặng nhọc, khó khăn đều được thay thế bằng sức máy móc. Vì vậy công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa cũng vận động theo xu thế đem đến thị trường những sản phẩm chất lượng, thuận tiện để phục vụ cho quý khách hàng.

Đội ngũ công nhân viên trẻ nắm bắt kịp thời những đổi mới trong quá trình làm việc, có trình độ, nhiệt tình với công việc. Điều này góp phần quan trọng giúp công ty cạnh tranh và phát triển trên thương trường.

“Chất lượng và dịch vụ hậu mãi” đó là điều mà nhà cung cấp và bạn hàng đến với công ty TNHH Minh Nghĩa đều rất hài lòng. Chính sự hài lòng đó đã giúp cho công ty tạo dựng được uy tín, vị thế vững chắc trên thị trường trong suốt 10 năm xây dựng và phát triển.

❖ **Khó khăn :**

Được thành lập vào cuối năm 2001 có nhiều sự đổi mới trong nền kinh tế, hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp nên sự cạnh tranh về thị trường với các công ty khác là điều không tránh khỏi.

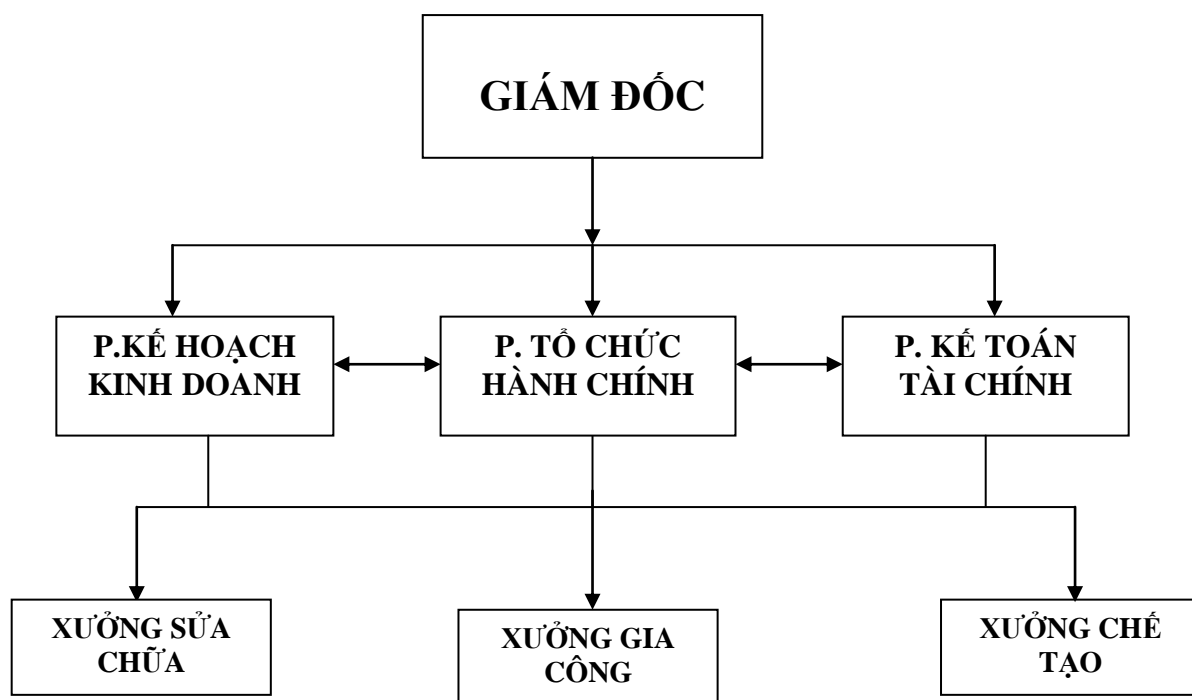
Khó khăn từ việc tìm đối tác kinh doanh, quay vòng vốn đến nắm bắt thị trường và xu thế của nền kinh tế.

Việc mở rộng quy mô kinh doanh cũng gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc huy động vốn và quay vòng vốn.

2.1.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành tại công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa.

Công ty TNHH Thương Mại Minh Nghĩa tổ chức theo mô hình TNHH gồm 3 bộ phận chính: Giám đốc điều hành công ty, các phòng ban quản lý từng hoạt động sản xuất kinh doanh công ty, các phân xưởng cơ khí chế tạo, sửa chữa..

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty.



Chức năng nhiệm vụ phòng ban:

Giám đốc: Là người có vị trí cao nhất nắm quyền điều hành, chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật của Nhà nước, là người quyết định tổ chức chỉ đạo toàn bộ công việc

Phòng Kế hoạch - Kinh doanh: Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban khác để nắm vững khả năng, nguồn lực của công ty, thu thập các thông tin cần thiết, dự

báo khả năng và nhu cầu của thị trường để tham mưu cho giám đốc xây dựng phương hướng phát triển, lập kế hoạch kinh doanh.

Phòng Tổ chức hành chính: có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho giám đốc về công tác tổ chức cán bộ, lao động - tiền lương, tiếp nhận các công văn, lưu trữ các văn bản của Nhà nước và hồ sơ lý lịch cán bộ công nhân viên ...

Phòng Tài chính - Kế toán : Tham mưu cho giám đốc về công tác hạch toán kế toán, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn. Có nhiệm vụ thu thập, xử lý, lưu trữ các tài liệu, thông tin có liên quan đến quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.

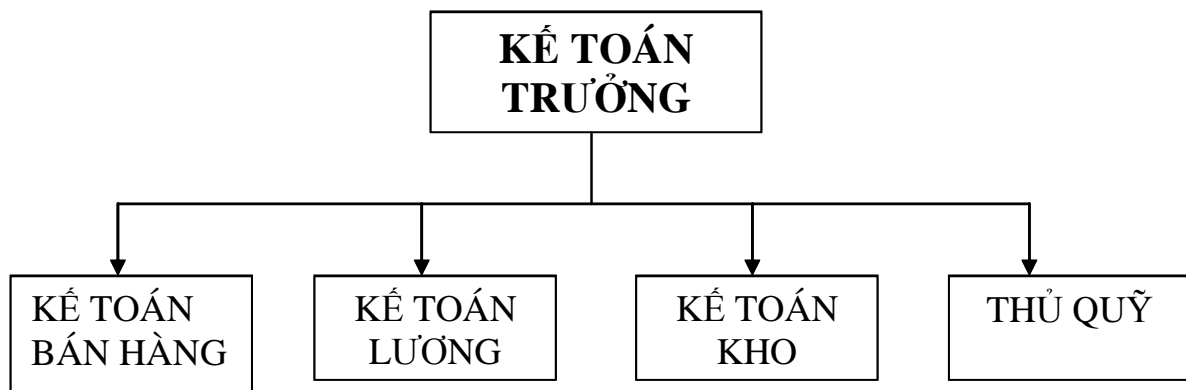
Các phân xưởng cơ khí chế tạo, gia công, sửa chữa có nhiệm vụ thực hiện công việc được giao, đảm bảo an toàn lao động để duy trì hoạt động kinh doanh đạt được mục tiêu phát triển công ty “Chất lượng và Chữ tín”.

2.1.3.Đặc điểm bộ máy tổ chức kế toán.

Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty.

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, thu thập, xử lý số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty, công ty tổ chức hạch toán theo hình thức tập trung thực hiện tại phòng kế toán. Tất cả thông tin kinh tế, phần hành kế toán được phụ trách bởi từng kế toán viên sau đó kế toán tổng hợp sẽ tổng hợp quyết định dưới sự chỉ đạo của cấp trên. Hình thức này cho phép giám đốc kiểm tra, kiểm soát và chỉ đạo nghiệp vụ đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất tập trung.

Sơ đồ 2.2 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.



Chức năng nhiệm vụ của từng vị trí như sau:

Kế toán trưởng : chỉ đạo tổ chức các phân hành kế toán, kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các quyết định hợp lý. Cuối kỳ tập hợp số liệu từ các bộ phận phòng ban, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty. Chịu trách nhiệm chính trước ban lãnh đạo của công ty về toàn bộ hoạt động của công tác tài chính - kế toán.

Thủ quỹ : Có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu với sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.

Kế toán bán hàng : Có nhiệm vụ giới thiệu, liên hệ với khách hàng về việc mua, bán sản phẩm của công ty. Lập các hợp đồng hay hoá đơn mua, bán sản phẩm hàng hoá.

Kế toán lương : Căn cứ vào bảng chấm công để tính lương cho các bộ phận, công nhân, trích lập phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương theo quy định pháp luật.

Kế toán kho : Là người quản lý, chịu trách nhiệm theo dõi và ghi chép việc thực hiện nhập, xuất hàng hoá trong kho.

Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán.

Công tác kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi về phòng Tài chính - kế toán để kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán.

Hệ thống tài khoản kế toán và hệ thống báo cáo tài chính sử dụng ở doanh nghiệp được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Doanh nghiệp tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Nhập trước - Xuất trước.

- Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đều.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền Việt Nam Đồng (VND)

Công tác kế toán tại công ty TNHH Thương Mại Minh Nghĩa không áp dụng phần mềm kế toán mà được thực hiện phần lớn trên máy vi tính thao tác hạch toán trên các bảng tính Word và Excel, phần mềm hỗ trợ kê khai thuế của Tổng Cục Thuế Việt Nam.

Để phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi chép phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa áp dụng hình thức kế toán **“NHẬT KÝ CHUNG”**.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái.
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Bảng tổng hợp chi tiết.
- Bảng cân đối số phát sinh.

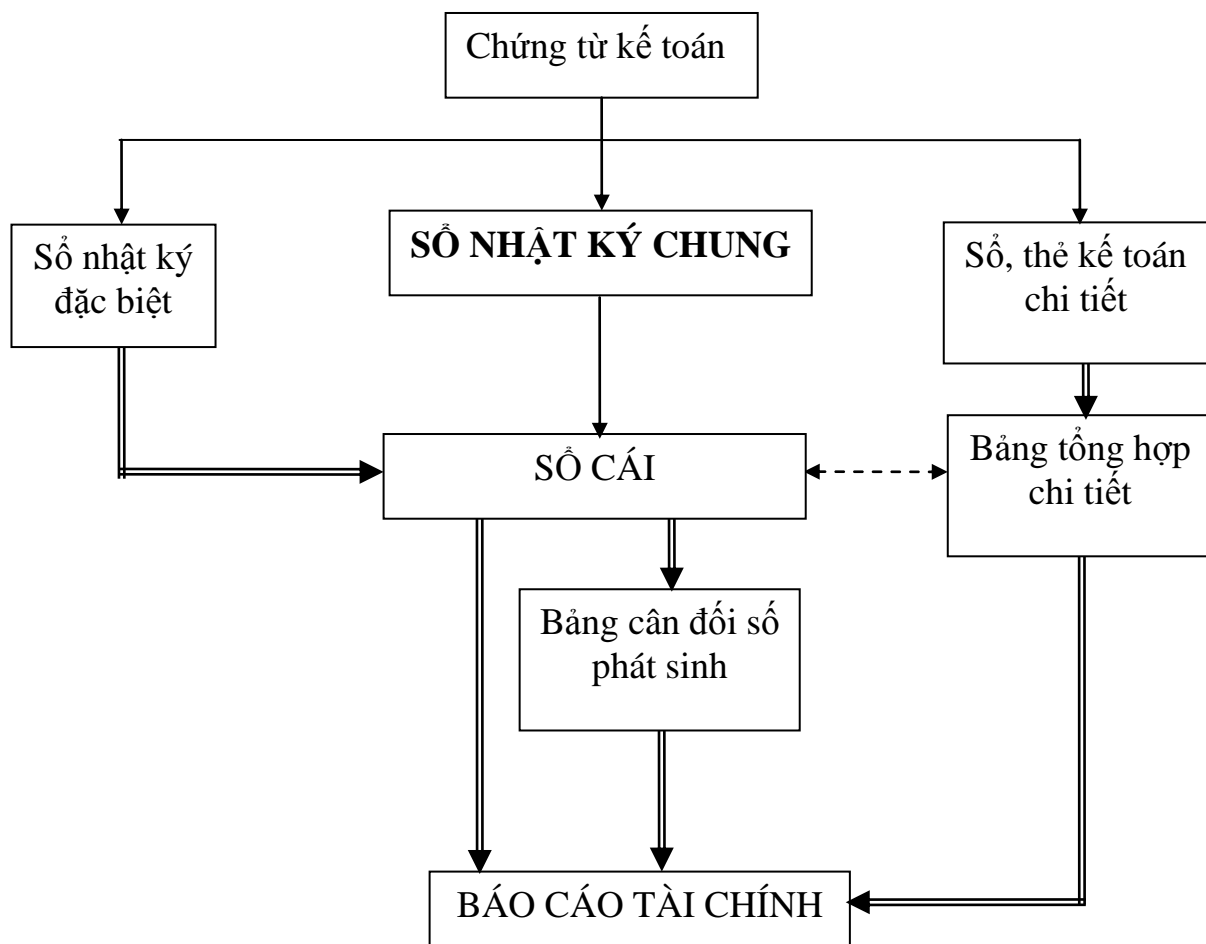
Theo hình thức kế toán này, tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời phải ghi vào các sổ, thẻ chi tiết liên quan.

Trường hợp có mở sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ ghi vào sổ Nhật ký đặc biệt có liên quan. Định kỳ tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt lấy số liệu vào Sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi vào nhiều Nhật ký đặc biệt.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng, cuối kỳ ══════════→

Đối chiếu, kiểm tra ←- - - - ->

2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH NGHĨA.

2.2.1 Kế toán doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa.

2.2.1.1. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ cái TK 511, TK 111, TK 131, TK 3331

2.2.1.2. Quy trình luân chuyển chứng từ

Khách hàng có nhu cầu mua sản phẩm, hàng hóa bộ phận bán hàng lập phiếu xuất kho, căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán tiến hành viết hóa đơn GTGT cho khách hàng.

Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

- Liên 1: (Màu tím) Liên gốc lưu tại quyển hoá đơn
- Liên 2: (Màu đỏ) Giao cho khách hàng làm chứng từ đi đường và ghi sổ kế toán đơn vị khách hàng.
- Liên 3: (Màu xanh) Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán.

Trên Hoá đơn phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ, số Hoá đơn.
- Tên đơn vị bán hàng (cung cấp dịch vụ), địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, hình thức thanh toán.
- Tên hàng hoá (dịch vụ cung cấp), số lượng, đơn giá, thành tiền, các khoản chiết khấu (nếu có), thuế GTGT, tổng tiền thanh toán.

Kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT, Phiếu xuất kho để viết phiếu thu và phản ánh vào sổ kế toán.

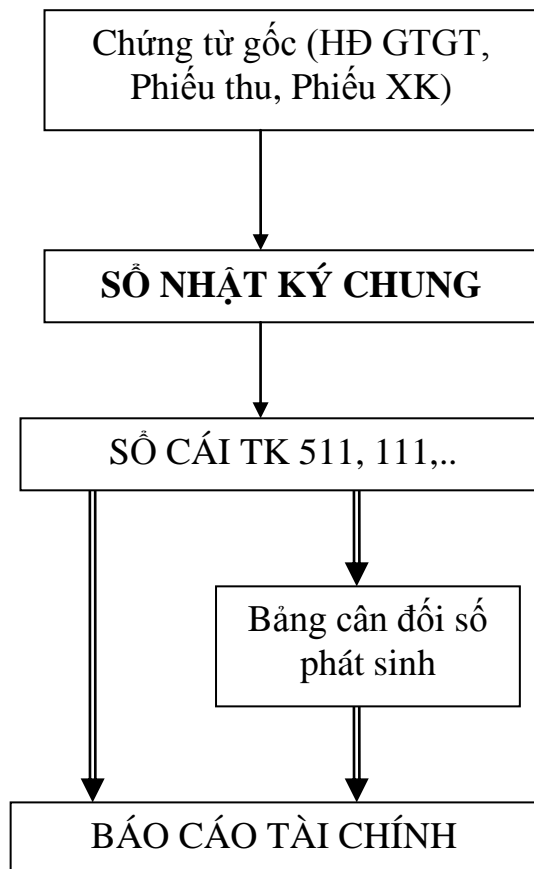
Kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 111, 112, 131 : Tổng giá thanh toán

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng

Có TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra

Sơ đồ 2.4: Trình tự hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, cuối kỳ ==>

Ví dụ minh họa:

Ngày 20/12/2010 Theo hoá đơn số 0032306 Công ty Xuất bán cho công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sơn Thịnh động cơ điện các loại. Tổng giá thanh toán là 11.000.000 đồng, VAT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Thiết lập chứng từ:

- Phiếu xuất kho số 18/Q4 (*Biểu số 2.1*)
- HĐ GTGT số 0032306 (*Biểu số 2.2*)
- Phiếu thu số 20/12 (*Biểu số 2.3*)

Kế toán hạch toán:

- a) Nợ TK 632 : 9.000.000
 Có TK 156 : 9.000.000
- b) Nợ TK 111 : 11.000.000
 Có TK 511 : 10.000.000
 Có TK 3331 : 1.000.000

Quy trình hạch toán vào sổ sách kế toán:

Kế toán căn cứ vào HĐ số 0032306, phiếu thu số 18/12 vào sổ quỹ tiền mặt.

Đồng thời vào sổ Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản 111, 511.

Cuối quý kết chuyển doanh thu bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0032306

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01 GTKT -3LL
RN/2010B
0032306

Liên 3: Nội bộ

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa.....

Địa chỉ: 53 - Hùng Vương - Sở Dầu - Hải Phòng.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:MS:

0	2	0	0	4	3	1	0	0	3
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--	--

Họ tên người mua hàng: Anh Sơn.....

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sơn Thịnh.....

Địa chỉ: 1173 Trần Hưng Đạo – Tp Quy Nhơn.....

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán:.....MS:

4	1	0	0	0	1	9	1	8	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Động cơ điện 3Fa 15Kw - 4	cái	05	1.100.00	5.500.000
2	Động cơ điện 3Fa 11Kw - 4	cái	05	900.000	4.500.000
	(Hàng nhập 100% xuất xứ Trung Quốc)				

Cộng tiền hàng: **10.000.000**

Thuế suất GTGT : 10 % Tiền thuế GTGT: **1.000.000**

Tổng cộng tiền thanh toán: **11.000.000**

Số tiền viết bằng chữ: *Mười một triệu đồng chẵn /.*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Trương Thanh Hương

Dương Minh Đức

Biểu số 2.2: Phiếu xuất kho số 18/11

Đơn vị: Công ty TNHH TM Minh Nghĩa

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 18/Q4

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: 53-Hùng Vương - Sở Dầu-HP

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Nợ: 632

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Có: 156

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Họ và tên người nhận hàng: Anh Sơn.. Địa chỉ (Bộ phận): Cty TNHH Sơn Thịnh

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất tại kho (ngăn lô):Công ty.....Địa điểm: Đường 5 mới.....

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Động cơ điện 3Fa 15Kw - 4		Cái	05	05	1.000.000	5.000.000
2	Động cơ điện 3Fa 11Kw - 4		Cái	05	05	800.000	4.000.000
	Cộng			10	10		9.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Chín triệu đồng chẵn./*

Xuất, Ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Phụ trách cung tiêu

Người lập

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu số 2.3: Phiếu thu số 20/12

Đơn vị: Công ty
TNHH TM Minh
Nghĩa

Địa chỉ: 53-Hùng
Vương -Sở Dầu-HP

PHIẾU THU

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Quyển số: 4

Số: 20/12

Nợ: 111

Có:511,3331

Mẫu số 01-TT

QĐ số:15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006

của Bộ trưởng BTC

Họ tên người nộp tiền: Anh Sơn – Công ty TNHH TM Dịch vụ Sơn Thịnh.....

Địa chỉ: 1173 Trần Hưng Đạo – TP Quy Nhơn.....

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng theo HĐ 0032306.....

Số tiền: 11.000.000 đồng.....(Viết bằng chữ) Mười một triệu đồng chẵn./.....

Kèm theo:01..... Chứng từ gốc.....

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên,)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.4 Trích Sổ Nhật ký chung T12/2010

Đơn vị: Công ty TNHH TM Minh Nghĩa

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ : Số 53 – Hùng Vương – Ngô Quyền - HP

NHẬT KÝ CHUNG

Năm:2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Ngày	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
Ký hiệu	Số hiệu			NỢ	CÓ	
.....	
AA/2010T	0980084	01/12	Nước sx Cty cấp nước HP	642	1111	852,898
AA/2010T	0980084	01/12	Nước sx Cty cấp nước HP	1331	1111	37,083
PS/2010B	0072916	01/12	Mua dây điện từ - Cty TNHH Phương Anh	156	331PA	18,182,400
PS/2010B	0072916	01/12	Mua dây điện từ - Cty TNHH Phương Anh	1331	331PA	1,818,240
.....	
LS/2010B	0051787	02/12	XN Cơ khí XD Thăng Long- bảo dưỡng đ/c	1111	511	2,700,000
LS/2010B	0051787	02/12	XN Cơ khí XD Thăng Long- bảo dưỡng đ/c	1111	3331	270,000
LS/2010B	0051788	02/12	Cửa hàng Lựu Thu - mua máy phát điện	131LT	511	3,200,000
LS/2010B	0051788	02/12	Cửa hàng Lựu Thu - mua máy phát điện	131LT	3331	320,000
QT/2009N	0195887	02/12	Mua đ/cơ điện - DNTN Hồng Ích	156	1111	10,660,000
QT/2009N	0195887	02/12	Mua đ/cơ điện - DNTN Hồng Ích	1331	1111	1,066,000
.....	
NH ACB	GBC3/12	02/12	Cty CPTM& TB tàu thủy Đình Đô TT tiền	112	131DD	50,000,000
NH ACB	GBN2/12	02/12	Trả nợ phần gốc TKV số 80549529	311	112	50,000,000
MD/2010B	0074216	03/12	Mua dây điện từ - Cty TNHH Phương Anh	156	1111	15,116,000
MD/2010B	0074216	03/12	Mua dây điện từ - Cty TNHH Phương Anh	1331	1111	1,511,600
.....	
NH MSB	GBN4/12	03/12	Trương Thanh Hương lĩnh tiền NH	1111	112	36,000,000
NH ACB	GBC4/12	04/12	Nguyễn Thị Thuý nộp tiền vào TK	112	1111	12,000,000
NH ACB	GBN5/12	04/12	Trả lãi tiền vay TKV 89328649	635	112	3,125,000
NH ACB	GBN6/12	04/12	Trả lại tiền vay TKV số 87234419	635	112	1,812,500
NH ACB	CK	04/12	Trích tự động TT vay thấu chi số 5268839	311	112	7,062,500
.....	
			Cộng chuyển sang trang sau			

Trích NKC Trang 1

			Số trang trước chuyển sang			
.....
LS/2010B	0051791	06/12	Cty TNHH TMSX & TM Hùng Hiền mua đ/cơ	131HH	511	55,450,000
LS/2010B	0051791	06/12	Cty TNHH TMSX & TM Hùng Hiền mua đ/cơ	131HH	3331	5,545,000
LS/2010B	0051792	06/12	Cty CP IDC sửa chữa búa rung	131ID	511	15,500,000
LS/2010B	0051792	06/12	Cty CP IDC sửa chữa búa rung	131ID	3331	1,550,000
QT/2009N	0195888	06/12	Mua máy móc CN - DNTN Hồng Ích	156	331HI	84,600,000
QT/2009N	0195888	06/12	Mua máy móc CN - DNTN Hồng Ích	1331	331HI	8,460,000
HQ/2009NK	0008280	06/12	Nhập bình chứa khí 7.820 x 18.932	156	331TQ	148,048,240
HQ/2009NK	0008280	06/12	C/lệch tỷ giá 7.820 x (18.932-19.500)	413	331TQ	4,441,760
NH ACB	GBN7/12	06/12	Trương Thanh Hương lĩnh tiền NH	1111	112	80,000,000
NH ACB	GBC05	06/12	Cty CP IDC trả tiền hàng	112	131ID	17,050,000
NH ACB	CK	06/12	Nhận từ giải ngân thấu chi TK 35268839	112	311	62,950,000
.....
LS/2010B	0051793	07/12	Cty TNHH TM Đình Sơn mua MM TB	131DS	511	65,550,000
LS/2010B	0051793	07/12	Cty TNHH TM Đình Sơn mua MM TB	131DS	3331	6,555,000
MH/2008T	0572779	07/12	DVVT-TT thông tin di động khu vực V	641	1111	537,431
MH/2008T	0572779	07/12	DVVT-TT thông tin di động khu vực V	1331	1111	53,744
AA/2009T	3017541	07/12	Điện SX- Cty TNHH MTVđiện lực HP	642	1111	726,330
AA/2009T	3017541	07/12	Điện SX- Cty TNHH MTVđiện lực HP	1331	1111	72,633
NH ACB	CK	07/12	Vay NH KV số 08	112	311	240,000,000
NH ACB	UNC07	07/12	TT tiền mua hàng cho Cty An Phát	331AP	112	150,035,600
NH ACB	GBC06	07/12	Cty CP TB điện máy Quang Minh TT tiền hàng	112	131QM	60,000,000
NH ACB	UNC08	07/12	Trả tiền mua hàng cho DNTN Hồng Ích	331HI	112	93,060,000
NH ACB	GBN8/12	07/12	Trả 1 phần nợ gốc TKV số 80549529	311	112	31,600,000
NH ACB	GBN9/12	07/12	Trả lãi vay NH TKV số 87604959	635	112	2,810,500
NH ACB	CK	07/12	Nhận từ giải ngân thấu chi TK35268839	112	311	3,004,496
NH ACB	GBC07	08/12	Cty TNHH mỹ nghệ Ngọc Anh trả tiền hàng	112	131NA	21,505,000
LS/2010B	0051796	09/12	CN Cty CP Nam Vang tại HP-quần đ/c	1111	511	4,981,819
LS/2010B	0051796	09/12	CN Cty CP Nam Vang tại HP-quần đ/c	1111	3331	498,181
.....
			Cộng chuyển sang trang sau			

Trích NKC Trang 2

			Số trang trước chuyển sang			
.....
MD/2010B	0074221	09/12	Mua dây điện từ -Cty CP sx Thái Hoà	156	1111	16,872,000
MD/2010B	0074221	09/12	Mua dây điện từ -Cty CP sx Thái Hoà	1331	1111	1,687,200
NH ACB	GBC10	09/12	DNTN TM&DV Đức Huy TT tiền	112	131DH	178,708,000
NH ACB	CK	09/12	Tắt toán kv NH TKV số 80549529	311	112	93,400,000
NH ACB	CK	09/12	Trích TT vay thấu chi số 35268839	311	112	82,875,417
MD/2010B	0074223	10/12	Mua dây đừ - Cty CP SX Thái Hoà	156	1111	16,872,000
MD/2010B	0074223	10/12	Mua dây đừ - Cty CP SX Thái Hoà	1331	1111	1,687,200
AA/2010T	0016770	10/12	Mua VPP - Cty TNHH METRO CASH	641	1111	279,854
AA/2010T	0016770	10/12	Mua VPP - Cty TNHH METRO CASH	1331	1111	27,985
.....
AA/2009T	0947987	11/12	DVVT - Cty TNHH MTV điện lực HP	641	1111	219,327
AA/2009T	0947987	11/12	DVVT - Cty TNHH MTV điện lực HP	1331	1111	21,933
AA/2010T	0061107	11/12	Mua dầu - Cty xăng dầu khu vực III	642	1111	941,818
AA/2010T	0061107	11/12	Mua dầu - Cty xăng dầu khu vực III	1331	1111	90,682
NH ACB		13/12	Trương Thanh Hương nộp tiền vào TK	112	1111	3,500,000
.....
HQ/2009NK	0008494	14/12	Nhập động cơ 9.624,70 x 18.932	156	331TQ	182,214,820
HQ/2009NK	0008494	14/12	Phí THC chưa TT nhập vào trị giá	156	331TH	1,584,608
HQ/2009NK	0008494	14/12	Thuế nhập khẩu	156	3333	23,326,582
HQ/2009NK	0008494	14/12	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1331	3332	20,712,603
HPH0303/10	0099888	15/12	Dương Mạnh Toàn nộp thuế GTGT hàng NK	3333	1111	14,968,248
HPH0303/10	0099888	15/12	Dương Mạnh Toàn nộp thuế NK	3332	1111	15,947,781
AA/2010T	0008734	15/12	Mua hoá đơn GTGT	641	1111	15,200
NH ACB	GBC14	16/12	Nguyễn Thị Thuý nộp tiền vào TK	112	1111	1,000,000
NH ACB	CK	17/12	Vay NH KV số 10	112	311	187,000,000
RN/2010B	0032306	20/12	Cty TNHH TM DV Sơn Thịnh mua đ/cơ	632	156	9,000,000
RN/2010B	0032306	20/12	Cty TNHH TM DV Sơn Thịnh mua đ/cơ	1111	511	10,000,000
RN/2010B	0032306	20/12	Cty TNHH TM DV Sơn Thịnh mua đ/cơ	1111	3331	1,000,000
NH ACB	GBC16	20/12	Nguyễn Thị Thuý nộp tiền vàoTK	112	1111	133,000,000
			Cộng chuyển sang trang sau			

Trích NKC Trang 3

			Số trang trước chuyển sang			
.....
AC/2010T	0329565	21/12	DVVT - Bưu điện HP	641	1111	798,963
AC/2010T	0329565	21/12	DVVT - Bưu điện HP	1331	1111	79,896
NH ACB	GBC18	21/12	DNTN TM&DV Đức Huy TT tiền hàng	112	131DH	234,707,000
NH ACB	GBC19	23/12	Cty TNHH Sơn Thịnh chuyển tiền hàng	112	131ST	50,000,000
NH ACB	GBC20	25/12	Lãi nhập gốc tháng 12/10	112	515	50,682
RH/2010B	0072576	26/12	Mua dây đ/từ -Cty TNHH Phương Anh	156	331PA	36,631,500
RH/2010B	0072576	26/12	Mua dây đ/từ -Cty TNHH Phương Anh	1331	331PA	3,663,150
RN/2010B	0032311	27/12	Cty CP TONE Thăng Long quần đ/cơ	1111	511	3,400,000
RN/2010B	0032311	27/12	Cty CP TONE Thăng Long quần đ/cơ	1111	3331	340,000
RN/2010B	PXK22	28/12	Cty TNHH thủy lực Thái Bảo mua đ/cơ	632	156	140,100,000
RN/2010B	0032315	28/12	Cty TNHH thủy lực Thái Bảo mua đ/cơ	131TB	511	157,900,000
RN/2010B	0032315	28/12	Cty TNHH thủy lực Thái Bảo mua đ/cơ	131TB	3331	15,790,000
NH ACB	GBC24	28/12	Cty CP TB điện máy Quang Minh tt tiền	112	131QM	82,780,000
RN/2010B	0032317	29/12	Công ty cổ phần IDC sửa chữa	131ID	511	17,700,000
RN/2010B	0032317	29/12	Công ty cổ phần IDC sửa chữa	131ID	3331	1,770,000
NH ACB	GBN18	29/12	Trương Thanh Hương lĩnh tiền NH	1111	112	200,000,000
NH MSB	GBC26	31/12	Lãi nhập gốc tháng 12/10	112	515	46,529
.....
Cty MN	BL12	31/12	Thanh toán tiền lương env	334	111	52,796,800
Cty MN	K/C	31/12	Khấu trừ thuế GTGT tháng 12	3331	1331	59,544,554
Cty MN	K/C	31/12	Kết chuyển chênh lệch tỷ giá	635	431	10,936,779
Cty MN	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	1,488,391,000
Cty MN	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	203,814
Cty MN	PKT02	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	23,865,370
Cty MN	PKT02	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	155,579,621
Cty MN	PKT03	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1,149,082,868
Cty MN	PKT03	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	32,227,392
Cty MN	PKT04	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	8211	3334	31,959,890
Cty MN	PKT04	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	31,959,890
Cty MN	PKT04	31/12	Xác định kết quả kinh doanh	911	421	95,879,673
Cộng phát sinh Tháng 12/2010						14,559,434,357

Trích NKC Trang 4

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Người ghi sổ
(Ký tên)*

*Kế toán trưởng
(Ký tên)*

*Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.5: Trích Sổ Cái TK 511/T12

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa

Địa chỉ: Số 53 – Hùng Vương - Hồng Bàng - HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
		- Số DĐK			
		- Số phát sinh T12/2010			
.....					
PT17/12	17/12	Bán hàng công ty Tín Thành Phát HĐ 32302	111		2.310.000
PT18/12	18/12	Bán hàng cty Công nghệ DV KT Ngọc Linh	111		9.830.000
PT20/12	20/12	Bán hàng công ty Sơn Thịnh	111		10.000.000
HĐ32315	28/12	Bán động cơ điện cho cty Thủy Lực Thái Bảo	112		157.900.000
HĐ 32317	29/12	Công ty CP ICD sửa chữa	131ID		17.700.000
HĐ 32318	30/12	Cty TNHH nhựa đường Petrolimex quần động cơ	111		1.154.545
PKT01/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	1.488.391.000	1.488.391.000
		Cộng phát sinh		1.488.391.000	1.488.391.000
		- SDCK			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6 Trích sổ Cái TK 1111/T12

Đơn vị: Công ty TNHH TM Minh Nghĩa

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Số 53 - Hùng Vương - Hồng Bàng - HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: Tiền mặt tại quỹ

Số hiệu: 1111

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
		- Số ĐDK		<u>198.654.447</u>	
		- Số phát sinh			
PC02/12	02/12	Mua motor điện DNTN Hồng Ích	156		10.660.000
		Thuế VAT 10%	133		1.066.000
PC06/12	04/12	Nộp tiền vào TK NH Á Châu			16.000.000
PT17/12	17/12	Bán hàng cho công ty Tín Thành Phát theo HĐ 32302	511	2.310.000	
		Thuế VAT 10%	3331	231.000	
PT18/12	18/12	Bán hàng cty Công nghệ DV KT Ngọc Linh theo HĐ 32303	511	9.830.000	
			3331	983.000	
PT20/12	20/12	Bán hàng công ty Sơn Thịnh theo HĐ 32306	511	10.000.000	
		Thuế VAT10%	3331	1.000.000	
.....					
		Cộng phát sinh T12/2010		1.686.347.100	1.735.568.527
		- SDCK		<u>149.433.020</u>	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Trích sổ quỹ tiền mặt

Đơn vị: Công ty TNHH TM Minh Nghĩa

Địa chỉ: Số 53 - Hùng Vương - Hồng Bàng - HP

Mẫu số S07-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tài Khoản :1111

Loại quỹ: VNĐ

Năm: 2010

Ngày tháng chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
	Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
			Số dư đầu kỳ T12/2010			<u>198.654.447</u>
.....						
02/12		PC02/12	Mua motor điện DNTN Hồng Ích		11.726.000	
04/12		PC06/12	Nộp tiền vào TK Ngân hàng Á Châu		16.000.000	
17/12	PT17/12		Bán hàng cho công ty Tín Thành Phát theo HĐ 32302	2.541.000		
18/12	PT18/12		Bán hàng cty Công nghệ DV KT Ngọc Linh theo HĐ 32303	10.813.000		
20/12	PT20/12		Bán hàng công ty Sơn Thịnh theo HĐ 32306	11.000.000		
.....						
			Cộng phát sinh	1.686.347.100	1.735.568.527	
			SDCK			<u>149.433.020</u>

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Trích sổ Cái TK 3331

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: Số 53 – Hùng Vương - Hồng Bàng - HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: Thuế GTGT đầu ra

Số hiệu: 3331

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
		- Số ĐDK			-
		- Số phát sinh trong T12/2010			
.....					
PT17/12	17/12	Bán hàng công ty Tín Thành Phát HĐ 32302	1111		2.31.000
PT18/12	18/12	Bán hàng cty Công nghệ DV KT Ngọc Linh	1111		9.83.000
PT20/12	20/12	Bán hàng công ty Sơn Thịnh	1111		1.000.000
HĐ32315	28/12	Bán động cơ điện cho công ty Thuỷ Lực Thái bảo	112		15.790.000
HĐ 32317	29/12	Công ty CP ICD sửa chữa	131ID		1.770.000
HĐ 32318	30/12	Cty TNHH nhựa đường Petrolimex quán động cơ	1111		115.455
PKT05/12	31/12	Khấu trừ thuế GTGT Tháng12	133	59.544.554	
		Cộng phát sinh		148.546,100	148.839.100
		- SDCK			<u>293.000</u>

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa là các khoản lãi tiền gửi từ ngân hàng, hàng tháng được nhập lãi.

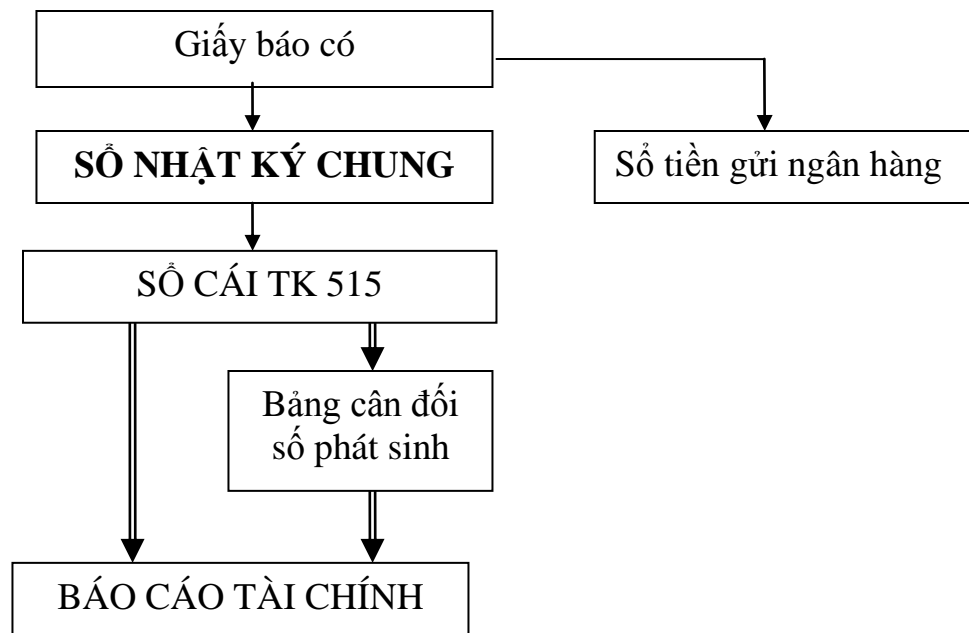
Tài khoản sử dụng: TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng :

- Giấy báo có và sổ phụ ngân hàng
- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 515

Quy trình hạch toán: căn cứ vào giấy báo có, sổ phụ ngân hàng kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515, 112.

Sơ đồ 2.5: Trình tự hạch toán doanh thu tài chính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, cuối kỳ \Longrightarrow

Ví dụ minh họa: Ngày 25/12/2010 Công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng thương mại Á Châu về lãi tiền gửi nhập gốc số TK 8422999. Số tiền 50.682 đồng

Biểu số 2.9

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

Mã GDV : BATCH

Chi nhánh Quán Toan - Hải Phòng

Mã KH : 10366

GIẤY BÁO CỐ

Số GD :20

Ngày 25/12/2010

Kính gửi : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH NGHĨA

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CỐ tài khoản của quý khách hàng với nội dung :

Số tài khoản ghi CỐ : 8422999

Số tiền bằng số : 50.682

Số tiền viết bằng chữ : [+] Năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng./

Nội dung : ## Lãi nhập gốc tháng 12/2010 ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

Chi nhánh Quán Toan - Hải Phòng

SỔ PHỤ VNĐ

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Tài khoản : 8422999

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH NGHĨA

DIEN GIAI	GHI NO	GHI CO	SO DU CUOI
	Số dư đầu ngày		47,925,013.00
###LAI NHAPGOC###		50,682.00	
	Tổng phát sinh trong ngày		50,682.00
	Số dư cuối ngày		47,975,695.00

SỔ PHỤ

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.10 : Trích sổ cái TK 515/T12

Đơn vị: Công ty TNHH TM Minh Nghĩa

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Số 53 - Hùng Vương - Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
		- Số ĐKK			
		- Số phát sinh T12/2010			
.....					
GBC20	25/12	Lãi nhập gốc T12/2010- ACB	112		50.682
GBC26	30/12	Lãi nhập gốc T12/2010- MSB	112		46.529
PKT01/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	203.814	
		Cộng phát sinh		203.814	203.814
		- SDCK			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11 Trích Sổ Cái TK 112

Đơn vị: Công ty TNHH TM Minh Nghĩa

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Số 53 - Hùng Vương - Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
		- Số ĐĐK		<u>240.080.199</u>	
		- Số phát sinh T12/2010			
.....					
PC06/12	04/12	Nộp tiền vào TK ngân hàng ACB số TK 8422999	1111	12.000.000	
HĐ 51790	06/12	Bán động cơ điện cho cty Hùng Hiền	511	113.590.909	
		Thuế VAT 10%	3331	11.359.091	
UNC07	07/12	Thanh toán tiền cho cty An Phát theo HĐ 00373614	331		150.035.600
GBC06	07/12	Cty CP TBDM Quang Minh	131QM	60.000.000	
		trả tiền theo HĐMBSố 01/11			
GBC 20	25/12	Lãi nhập gốc T12/2010-ACB	515	50.682	
GBC 24	28/12	Cty CP TB điện máy Quang Minh TT tiền hàng	131QM	82,780,000	
		Thuế VAT 10%	3331	15.790.000	
GBC26	30/12	Lãi nhập gốc T12/2010- MSB	515	46.529	
		Cộng phát sinh		2.601.291.552	2.596.133.679
		- SDCK			<u>245.238.072</u>

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12 Trích số tiền gửi ngân hàng tại NH Á Châu

Đơn vị: Công ty TNHH TM Minh Nghĩa

Mẫu số S08-DN

Địa chỉ : Số 53 - Hùng Vương - Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng Thương Mại Á Châu – Chi nhánh Quán Toan - HP

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 112 - ACB

Số tài khoản : **8422999**

Năm: 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		
Số hiệu	Ngày tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại
		Tháng 12/2010				
		- Số ĐDK				<u>150.000.000</u>
		- Số phát sinh trong kỳ từ 01/12/2010 – 31/12/2010				
.....	
PC06/12	04/12	Nộp tiền mặt vào TK ngân hàng ACB số TK 8422999	1111	12.000.000		
UNC07	07/12	Thanh toán tiền cho cty An Phát theo HĐ 00373614	331		150.035.600	
GBC06	07/12	Cty CP TBDM Quang Minh trả tiền theo HĐMB số 01/11	131	60.000.000		
.....						
GBC 20	25/12	Lãi nhập vốn T12/2010	515	50.682		
.....						
		Cộng phát sinh		1.970.899.048	1.962.948.344	
		- SDCK				<u>157.950.704</u>

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán chi phí tài chính tại công ty TNHH Minh Nghĩa.

Tại công ty TNHH Thương Mại Minh Nghĩa các khoản được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Trả lãi tiền gửi ngân hàng.
- Hạch toán chênh lệch tỷ giá.

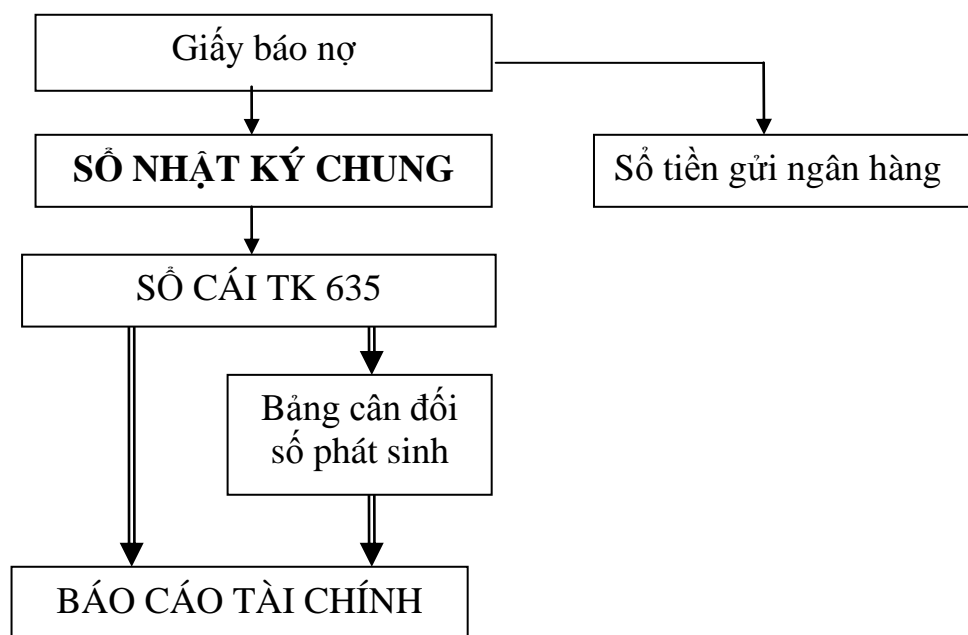
Tài khoản sử dụng : TK 635 – Chi phí tài chính.

Chứng từ và sổ sách sử dụng để hạch toán:

- Giấy báo của ngân hàng
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 635.

Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Trình tự hạch toán Chi phí tài chính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, cuối kỳ ⇒

Ví dụ minh họa:

- Ngày 07/12/2010 Công ty nhận được giấy báo nợ từ Ngân hàng thương mại Á Châu với nội dung Trả lãi vay NH TKV số 87604959

Kế toán hạch toán :

Nợ TK 635 : 2.810.500

Có TK 112 : 2.810.500

Căn cứ vào giấy báo của ngân hàng(*Biểu số 2.13*) kế toán hạch toán vào sổ Nhật ký chung (*Biểu số 2.4*) và sổ cái TK 635(*Biểu số 2.14*) và sổ cái các TK có liên quan

Biểu số 2.13:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

Mã GDV : BATCH

ASIA COMMERCIAL BANK

Mã KH : 10336

Chi nhánh Quán Toan - Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ

Số GD : 09

Ngày 07/12/2010

Kính gửi : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH NGHĨA

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung :

Số tài khoản ghi CÓ : 87604959

Số tiền bằng số : 2.810.500

Số tiền viết bằng chữ : [+] Hai triệu tám trăm mười nghìn năm trăm ngàn đồng chẵn./

Nội dung : ## CTY TNHH MINH NGHIA## TRA NO VAY TKV SO 87604959 ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.14 Trích sổ Cái TK 635/T12

Đơn vị: Công ty TNHH TM Minh Nghĩa

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Số 53 - Hùng Vương - Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
		- Số ĐDK			
		- Số phát sinh trong T12/2010			
.....					
GBN09	07/12	Trả lãi vay NH TKV 87604959	112	2.810.500	
.....					
K/C	31/12	Kết chuyển chênh lệch tỷ giá tháng 12	431	10.936.779	
PKT 02	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		32.227.392
.....					
		Cộng phát sinh		32.227.392	32.227.392
		- SDCK			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH TM Minh Nghĩa.

Công ty TNHH thương mại Minh Nghĩa hoạt động trong lĩnh vực thương mại nên giá vốn hàng bán không kết chuyển từ TK 154, 155 mà số liệu này được xác định qua việc nhập hàng từ nhà cung cấp hay qua sửa chữa, lắp đặt và bán lại cho khách hàng.

Cho nên khi có nghiệp vụ bán hàng phát sinh kế toán tiến hành xác định trị giá vốn xuất kho của hàng hoá đó rồi viết phiếu xuất kho. Dựa vào phiếu xuất kho kế toán tiến hành ghi sổ.

- ***Phương thức tính giá hàng xuất kho***

Tại công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa tính giá xuất kho hàng hoá theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

- ***Tài khoản sử dụng :***

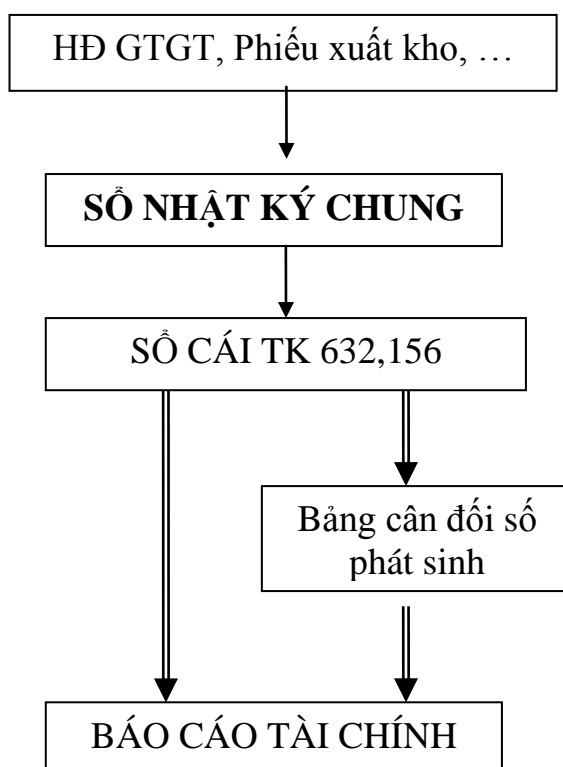
- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán.
- Tài khoản liên quan TK 156 : Hàng hoá

- ***Chứng từ sử dụng và sổ kế toán hạch toán :***

- Phiếu xuất kho,
- Hoá đơn GTGT
- Sổ cái TK 632, 156,..

Quy trình hạch toán : Căn cứ vào HĐ GTGT lập phiếu xuất kho phản ánh trị giá hàng xuất kho. Sau đó từ phiếu xuất kho kế toán vào sổ nhật ký chung (*Biểu số 2.4*), sổ cái TK 632, sổ cái tài khoản liên quan.

Sơ đồ 2.7: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, cuối kỳ \Longrightarrow

Ví dụ minh họa : Ngày 28/12/2010 Theo hoá đơn số 0032315 Bán hàng cho Công ty TNHH Thủy Lực Thái Bảo động cơ điện các loại, VAT 10%. . Tổng giá thanh toán là 173.690.000 đồng.

Thiết lập chứng từ:

- Hoá đơn GTGT 0032315 (Biểu số 2.15)
- Phiếu Xuất kho số 22/Q4 (Biểu số 2.16)
- Sổ Nhật Ký chung (Biểu số 2.4)

Kế toán hạch toán :

a) Nợ TK 632 : 140.100.000	b) Nợ TK 131 : 173.690.000
Có TK 156 : 140.100.000	Có TK 511 : 157.900.000
	Có TK 3331: 15.790.000

Biểu số 2.15: Hóa đơn GTGT số 0032315

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT -3LL
RN/2010B
0032315

Liên 3: Nội bộ

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa.....

Địa chỉ: Số 53 - Hùng Vương - Sở Dầu - Hải Phòng.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:MS:

0	2	0	0	4	3	1	0	0	3
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--	--

Họ tên người mua hàng: Anh Phúc.....

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thủy Lực Thái Bảo.....

Địa chỉ: 115 Đê La Thành – Ô Chợ Dừa - Đống Đa – Hà Nội.....

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán:.....CK.....MS:

0	1	0	1	0	0	8	6	7	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Động cơ điện 30 Kw	cái	03	15.100.000	46.500.000
2	Động cơ điện 18,5 Kw	cái	03	11.300.000	33.900.000
3	Động cơ điện 15 Kw	cái	05	10.120.000	50.600.000
4	Động cơ điện 7,5 Kw	cái	05	5.500.000	27.500.000

Cộng tiền hàng: 157.900.000

Thuế suất GTGT : 10 % Tiền thuế GTGT: **15.790.000**

Tổng cộng tiền thanh toán: 173.690.000

Số tiền viết bằng chữ: *Một trăm bảy ba triệu, sáu trăm chín mươi ngàn đồng chẵn /.*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Trương Thanh Hương

Dương Minh Đức

Biểu số 2.16 Phiếu xuất kho số 22/Q4

Đơn vị: Công ty TNHH TM Minh Nghĩa

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 22/Q4

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: 53-Hùng Vương - Sở Dầu-HP

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Nợ: 632

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng: Anh Phúc. Địa chỉ (Bộ phận): Cty TNHH Thái Bảo

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất tại kho (ngăn lô): Công ty..... Địa điểm: Đường 5 mới.....

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Động cơ điện 30 Kw		Cái	03	03	14.000.000	42.000.000
2	Động cơ điện 18,5Kw		Cái	03	03	10.200.000	30.600.000
3	Động cơ điện 15 Kw		Cái	05	05	8.900.000	44.500.000
4	Động cơ điện 7,5Kw		Cái	05	05	4.600.000	23.000.000
Cộng				16	16		140.100.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm bốn mươi triệu, một trăm nghìn đồng chẵn./

Xuất, Ngày 28 tháng 12 năm 2010.

**Phụ trách
cung tiêu**

Người lập

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu số 2.17 Trích sổ Cái TK 632

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 53 – Hùng Vương - Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/U	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
		- SĐĐK			
		- SPS trong kỳ			
.....					
PXK18	20/12	Bán hàng cho công ty Sơn Thịnh	156	9.000.000	
		động cơ điện các loại theo HĐ032306			
PXK22	28/12	Bán hàng cho công ty Thái Bảo	156	140.100.000	
.....					
PKT03/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		1.149.082.868
		Cộng phát sinh T12/2010		1.149.082.868	1.149.082.868
		- SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18 Trích Sổ Cái TK 156

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 53 – Hùng Vương- Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: Hàng hoá

Số hiệu: 156

Đơn vị tính : VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
		- Số ĐDK		<u>1.325.068.759</u>	
		- Số phát sinh trong T12			
.....					
PNK16	16/12	Nhập kho hàng hoá theo TKHQ số 2131	331TQ	708.359.759	
PXK18	20/12	Bán hàng cho Cty Sơn Thịnh động cơ điện các loại	632		9.000.000
PNK20	28/12	Nhập kho cho Cty TKHQ số 4408, HĐ số 506SWVN	331TQ	163.047.110	
PXK22	28/12	Bán hàng cho Cty Thái Bảo động cơ điện các loại .	632		140.100.000
.....					
		Cộng phát sinh		1.251.672.380	1.149.082.868
		- SDCK		<u>1.427.658.271</u>	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng của Công ty bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng; Chi phí liên quan đến công tác bán hàng, sản phẩm của công ty; Chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí gián tiếp phục vụ cho quá trình quản lý liên quan đến toàn bộ hoạt động của công ty bao gồm:

- Chi phí nhân công.
- Chi phí văn phòng phẩm.
- Chi phí khấu hao.
- Chi phí điện nước, dịch vụ viễn thông, vệ sinh, công tác phí, phí ngân hàng...

2.2.5.1. Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp công ty sử dụng:

- TK 641: Chi phí bán hàng
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty chỉ sử dụng TK cấp 1 mà không sử dụng các TK chi tiết cấp 2.

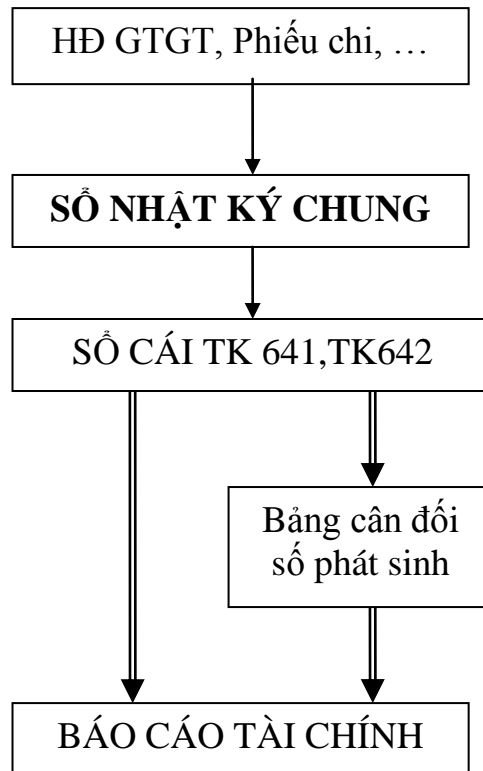
2.2.5.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng tính và trích khấu hao TSCĐ.
- Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 641, TK 642
- Sổ cái các tài khoản liên quan.

2.2.5.3. Quy trình hạch toán

Căn cứ vào các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán vào Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái TK 641, TK 642, Sổ Cái các TK liên quan.

Sơ đồ 2.8. Trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, cuối kỳ \Longrightarrow

Ví dụ minh họa:

- Ngày 07/12/2010 Công ty Thanh toán dịch vụ viễn thông T11/2010 – TT thông tin di động khu vực V, phục vụ cho công tác bán hàng . Tổng số tiền thanh toán 591.175 đồng, VAT 10%.

Thiết lập chứng từ:

- Hoá đơn GTGT 572779 (Biểu số 2.19)
- Phiếu chi số 08/Q4 (Biểu số 2.20)
- Sổ Nhật Ký chung (Biểu số 2.4)

Căn cứ vào HD GTGT 572779 kê toán viết phiếu chi số 08/Q4, hạch toán vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 641 và các TK khác liên quan.

Hạch toán Nợ TK 641 : 537.431

Nợ TK 133 : 53.744

Có TK 1111: 591.175

<p>HOÁ ĐƠN (GTGT) BILL (VAT) Liên 2: Giao cho khách hàng</p>	<p>Mẫu số:01 GTKT -3LL MG/2010B Số : 572779</p>	
<p>CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG MOBIFONE TRUNG TÂM THÔNG TIN DI ĐỘNG KHU VỰC V VIETNAM MOBIFONE TELECOM SERVICE CO. CENTER V Địa chỉ : Số 8 Lô 28A - Đường Lê Hồng Phong - Hải Phòng Tel : 18001090 Fax : 3558869 MS : 010068209084</p>		
<p>Tên khách hàng (Sub name): Dương Minh Đức Địa chỉ (Address): Số 53 - Đường Hùng Vương - Sở Dầu - Hồng Bàng – HP Số thuê bao (Sub No) : 0936917765 Mã khách hàng (Customer Code): Cước từ ngày (Charging from): 01/11/2010 đến ngày (to): 30/11/2010</p>		
Khoản	(Item)	Số tiền (Amount)
Cước dịch vụ thông tin di động	(Mobile phone servicecharges)	537.431
Cộng tiền (1)	(Total)	537.431
Thuế suất GTGT 10% ×(1) = Tiền thuế GTGT(2)	(Value Added Tax)	53.744
Tổng cộng số tiền thanh toán(3)= (1)+(2)	(Group total)	591.175
Số tiền bằng chữ (Sum in words): Năm trăm chín mươi một ngàn, một trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn./		
		Ngày 07 tháng 12 năm 2010
Người nộp tiền (Ký, ghi rõ họ tên)	Nhân viên giao dịch (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.20 Phiếu chi số 08/12

Đơn vị: Cty TNHH TM
Minh Nghĩa
Địa chỉ: Số 53-Hùng
Vương -Sở Dầu-HP

PHIẾU CHI

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Quyển số: Q4
Số: 08
Nợ: 641.133
Có: 111

Mẫu số 01-TT
QĐ số:15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Minh.....

Địa chỉ : Số 8 Lô 28A - Đường Lê Hồng Phong - Hải Phòng.....

Lý do nhận : Thanh toán dịch vụ viễn thông T11/2010.....

Số tiền: 591.175 đồng.....(Viết bằng chữ) *Năm trăm chín một nghìn một trăm bảy mươi năm ngàn đồng./*.....

Kèm theo:01..... Chứng từ gốc.....

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên,)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
------------------------------------	--------------------------------	---------------------------------	----------------------------------	-------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

Số tiền quy đổi:

Ví dụ minh họa: Ngày 07/12/2010 Công ty thanh toán tiền điện sản xuất T11/2010 cho Công ty TNHH MTV Điện Lực Hải Phòng. Tổng số tiền thanh toán là 798.963 đồng, thuế GTGT 10%.

Căn cứ vào Hoá đơn tiền điện số 3017541 kế toán viết phiếu chi số 09 (biểu số 2.21) sau đó hạch toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4) và sổ cái các TK 641(Biểu số 2.22), Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.23).

Hạch toán	Nợ TK 642	: 726.330
	Nợ TK 133	: 72.633
	Có TK 1111:	798.963

Biểu số 2.21 Phiếu chi Số 09/12

Đơn vị: Cty TNHH TM
Minh Nghĩa
Địa chỉ: Số 53-Hùng
Vương -Sở Dầu-HP

PHIẾU CHI

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Quyển số: Q4
Số: 09
Nợ: 642.133
Có: 111

Mẫu số 01-TT
QĐ số: 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC

Họ tên người nhận tiền: Trần Văn Quyết

Địa chỉ : 1282 Trần Nhân Tông

Lý do nhận : Thanh toán tiền điện T11/2010.....

Số tiền: 798.963 đồng.....(Viết bằng chữ) *Bảy trăm chín tám nghìn chín trăm sáu ba ngàn đồng./*.....

Kèm theo:01..... Chứng từ gốc.....

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên,)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
------------------------------------	--------------------------------	---------------------------------	----------------------------------	-------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.22 Trích sổ cái TK 641

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa

Mẫu số S03b-DN

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 53 – Hùng Vương - Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính : VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
		- SĐCK			
.....					
HD 572779	07/12	DVVT- TT Thông tin ĐĐ khu vực V	1111	537.431	
HD 329565	21/12	Thanh toán DV VT – BĐ HP	1111	444.563	
BL 12	31/12	Chi phí tiền lương nviên bán hàng T12	334	7.340.000	
BL12	31/12	Các khoản trích theo quy định	338	1.614.800	
PKT02/12	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		23.865.370
		Cộng phát sinh		23.865.370	23.865.370

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

	- SDCK		
--	--------	--	--

Địa chỉ: Số 53 – Hùng Vương - Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Biểu số 2.23 Trích sổ Cái TK 642

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
		- SĐĐK			
.....					
HD 3017541	07/12	Điện sản xuất T11/2010 – Cty TNHH MTV điện lực HP	1111	726.330	
HD 0755568	11/12	Thanh toán tiền nước – Cty Cấp nước HP	1111	702.938	
.....					
BL 12	31/12	Chi phí tiền lương nhân viên QLDN T12/2010	334	26.100.000	
BL12	31/12	Các khoản trích theo quy định	338	5.742.000	
PKT 02/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN	911		155.579.621
		Cộng phát sinh		155.579.621	155.579.621
		- SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty trong một thời gian nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Căn cứ vào chế độ hiện hành Công ty TNHH TM Minh Nghĩa xác định kết quả kinh doanh như sau:

- Nộp thuế TNDN theo quy định với mức thuế suất 25%
- Bù lỗ các khoản năm trước không được tính vào lợi nhuận sau thuế
- Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

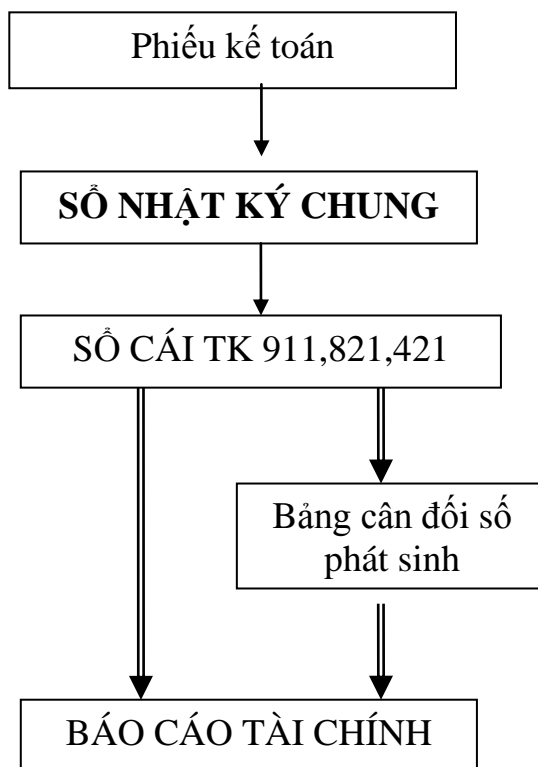
Chứng từ sử dụng : Phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng:

- TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối.

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

TNHH Thương mại Minh Nghĩa.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, cuối kỳ \Longrightarrow

Ví dụ minh họa: Cuối tháng 12/2010, Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa thực hiện bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Tổng phát sinh bên Có TK 911: Kết chuyển doanh thu bao gồm

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Doanh thu hoạt động tài chính

Kế toán kết chuyển:

Nợ TK 511 : 1.488.391.000

Nợ TK 515 : 203.814

Có TK 911 : 1.488.594.814

Tổng phát sinh bên Nợ TK 911: Kết chuyển chi phí bao gồm:

- Giá vốn hàng bán.
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính

Kết toán kết chuyển:

Nợ TK 911 : 1.360.755.251

Có TK 632 : 1.149.082.868

Có TK 635 : 32.227.392

Có TK 641 : 23.865.370

Có TK 642 : 155.579.621

Xác định thuế TNDN phải nộp (Có TK 911 - Nợ TK 911) × 25%

Nợ TK 821(8211) : 31.959.890

Có TK 333(3334) : 31.959.890

Xác định chi phí thuế TNDN

Nợ TK 911 : 31.959.890

Có TK 821 : 31.959.890

Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN (Lãi tháng 12/2010)

Nợ TK 911 : 95.879.673

Có TK 421 : 95.879.673

Đơn vị: Công ty TNHH TM Minh Nghĩa

Địa chỉ: Số 53 – Hùng Vương – Ngô Quyền – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 01/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	1.488.391.000
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	203.814
	Cộng			1.488.594.814

Người lập
(Ký tên)

Kế toán trưởng
(Ký tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty TNHH TM Minh Nghĩa

Địa chỉ: Số 53 – Hùng Vương – Ngô Quyền – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 02/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	23.865.370
2	Kết chuyển chi phí quản lý DN	911	642	155.579.621
	Cộng			179.444.991

Người lập
(Ký tên)

Kế toán trưởng
(Ký tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty TNHH TM Minh Nghĩa

Địa chỉ: Số 53 – Hùng Vương – Ngô Quyền – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 03/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1.149.082.868
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	32.227.392
	Cộng			1.181.310.260

Người lập

(Ký tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty TNHH TM Minh Nghĩa

Địa chỉ: Số 53 – Hùng Vương – Ngô Quyền – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 04/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	XĐ Thuế TNDN phải nộp	8211	3334	31.959.890
2	XĐ chi phí thuế TNDN	911	821	31.959.890
3	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	95.879.673
	Cộng			

Người lập

(Ký tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24 Trích sổ cái TK 911

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 53 – Hùng Vương – Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
		- SĐĐK			
		- SPS trong kỳ			
PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		1.488.391.000
PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515		203.814
PKT02	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	23.865.370	
PKT02	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN	642	155.579.621	
PKT03	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	1.149.082.868	
PKT03	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	32.227.392	
PKT04	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	31.959.890	
PKT04	31/12	Xác định kết quả kinh doanh	421	95.879.673	
		Cộng phát sinh		1.488.594.814	1.488.594.814
		- SĐCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25 Trích sổ Cái TK 821.

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa

Địa chỉ: Số 53 – Hùng Vương- Hồng Bàng - HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
		-Số phát sinh trong kỳ			
PKT04	31/12	Xác định Thuế TNDN phải nộp	3334		31.959.890
PKT04	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	31.959.890	
		Cộng phát sinh		31.959.890	31.959.890
		- SDCK			

Biểu số 2.26 Trích sổ Cái TK 421

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
		- Số dư đầu tháng 12/2010			<u>6.145.132</u>
		- Số phát sinh trong kỳ			
PKT04	31/12	Xác định kết quả kinh doanh	911		95.879.673
		Cộng phát sinh			95.879.673
		- SDCK			<u>102.024.805</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đến cuối kỳ kế toán tập hợp các chứng từ, sổ kế toán làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính. Dưới đây là Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh – B02 tại Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa Năm 2010.

Biểu số 2.27:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Niên độ tài chính năm 2010

Mã số thuế: **0200431003**

Người nộp thuế: **Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	16,283,767,853	14,712,348,339
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		16,283,767,853	14,712,348,339
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	12,975,636,715	11,968,179,695
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3,308,131,138	2,744,168,644
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2,226,412	1,198,668
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	377,793,377	338,566,199
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		344,982,978	312,455,411
8	Chi phí bán hàng	24		276,596,110	156,500,000
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,186,907,660	982,324,762
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		1,468,960,403	1,267,676,351
11	Thu nhập khác	31		0	0
12	Chi phí khác	32		0	0
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1,468,960,403	1,006,976,351
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	367,240,101	355,033,378
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.101,720,302	912,942,973
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

Người ký: **TRƯƠNG THANH HƯƠNG**

Ngày ký: **12/03/2011**

Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa hoạt động trong lĩnh vực thương mại chuyên cung cấp sản phẩm máy móc công nghiệp, thiết bị điện...Được thành lập vào cuối năm 2001 có nhiều sự đổi mới trong nền kinh tế, hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp nên sự cạnh tranh về thị trường với các công ty khác.

Những năm gần đây nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, chịu ảnh hưởng từ suy thoái kinh tế thế giới làm cho tình trạng doanh nghiệp gặp nhiều biến động bất lợi. Nhưng đội ngũ cán bộ, công nhân viên công ty TNHH Thương Mại Minh Nghĩa đã cố gắng hoàn thành kế hoạch doanh thu, tiêu thụ, tăng trưởng trong vài năm gần đây:

Do đó tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có những chuyển biến đáng kể, thể hiện ở một số chỉ tiêu chính sau:

Biểu 2.28: Tình hình thể hiện doanh thu qua 2 năm (2009-2010)

Chỉ tiêu	2009	2010	Chênh lệch 2010/2009	
			Số tiền	Tỷ lệ %
Doanh thu bán hàng	14,712,348,339	16,283,767,853	1,571,419,514	9,0
Doanh thu tài chính	1,198,668	2,226,412	1.027.744	46,1
Giá vốn hàng bán	11,968,179,695	12,975,636,715	1,007,457,020	7,0
Tổng LN trước thuế	1,267,676,351	1,468,960,403	201,284,052	13,0

Thông qua bảng số liệu trên ta thấy, doanh thu bán hàng tăng 1,571,419,514 đồng tương đương với 9,0%, điều đó có nghĩa là sản phẩm của doanh nghiệp ngày càng được biết đến nhiều hơn. Mặt khác giá vốn của doanh nghiệp cũng tăng 1,007,457,020 đồng tương đương với 7,0% cho thấy giá cả thị trường ngày càng tăng lên các mặt hàng nhập khẩu của công ty cũng tăng lên theo tỷ giá USD. Đó cũng là một vấn đề mà công ty rất chú trọng đến trong việc nhập khẩu hàng từ nước ngoài.

Bên cạnh đó doanh thu tài chính của doanh nghiệp cũng tăng lên đáng kể 1.027.744 đồng tương đương với 46,1% cho thấy tình hình tài chính của doanh nghiệp khả quan hơn đó chính là một lợi thế tốt giúp công ty có những nhà đầu tư mới. Tổng lợi nhuận trước thuế là một chỉ tiêu đáng được quan tâm năm 2010 tăng 201,284,052 đồng tương ứng với 13% chứng tỏ vị trí công ty trên thị trường hiện nay.

Chương 3

MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM MINH NGHĨA.

3.1 Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa.

Nền kinh tế đang vận động và phát triển mạnh mẽ những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty. Do đó, bên cạnh những thuận lợi công ty phải đương đầu với rất nhiều khó khăn do cả yếu tố khách quan từ thị trường và cả yếu tố chủ quan từ doanh nghiệp.

Để đạt được thành tích như vậy là nhờ Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên có năng lực, trình độ đạo đức, tác phong tốt, có thể đảm đương mọi nhiệm vụ phù hợp với khả năng của mình.

Bên cạnh đó Công ty cũng chú trọng nâng cao trình độ công nhân, bằng việc không ngừng nâng cao bồi dưỡng các nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực vận tải biển, điều này giúp cho cán bộ công nhân viên trong công ty hoạt động nhạy bén hơn, phát huy được khả năng của mình.

Để có thể tồn tại và ngày càng phát triển các doanh nghiệp phải không ngừng nghiên cứu, học hỏi, sáng tạo tìm ra chiến lược kinh doanh hiệu quả nhất cho bản thân doanh nghiệp. Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa cũng vậy hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các thiết bị máy móc công nghiệp, hàng nhập khẩu máy móc từ nước ngoài công ty luôn đặt uy tín chất lượng cung cấp dịch vụ lên hàng đầu là phương châm hoạt động của doanh nghiệp trong suốt 10 năm thành lập và phát triển. Trong những năm gần đây nền kinh tế đang chịu nhiều bất ổn và có xu hướng đi xuống do khủng hoảng kinh tế thị trường.

Sau quá trình tìm hiểu tại công ty TNHH TM Minh Nghĩa em nhận thấy công tác kế toán có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1 Ưu điểm:

Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại nên trong quá trình phát triển lãnh đạo công ty đã tìm hướng đi phù hợp với khả năng để cải tiến sản phẩm, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Để có được kết quả như ngày nay công ty đã chú trọng xây dựng bộ máy quản lý vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc.

Về bộ máy quản lý : Công ty TNHH TM Minh Nghĩa đã tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình tập trung chức năng gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả mọi hoạt động của công ty đều do giám đốc điều hành và quản lý.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Hệ thống kế toán của công ty đã đi vào nề nếp được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý. Công ty đã xác định quy chế làm việc rõ ràng, chức năng nhiệm vụ quyền hạn của từng bộ phận trong công ty từ giám đốc đến các phòng ban trong công ty. Mỗi nhân viên kế toán đều có tinh thần trách nhiệm cao nắm vững chính sách chế độ của của nhà nước cũng như nhiệm vụ của mình, làm việc nhiệt tình có kế hoạch có tinh thần tương trợ giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho mọi người có khả năng đi sâu tìm hiểu, nâng cao nhiệm vụ phát huy hết khả năng sức lực của mình.

Về tổ chức công tác hạch toán kế toán: Công ty luôn chấp hành đầy đủ các chính sách và chế độ kế toán của nhà nước, tổ chức mở các sổ kế toán hợp lý. Tại phòng kế toán của công ty khi phát sinh nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá thì các chứng từ đều được lập đầy đủ. Chứng từ được lập đều có đầy đủ chữ ký của người liên quan, sử dụng đúng mẫu của Bộ tài chính.

Về hệ thống tài khoản sử dụng : Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính, chuẩn mực kế toán thống nhất theo quy định pháp luật. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán, các tài khoản theo từng phần hành kế toán phù hợp với hình thức kinh doanh của doanh nghiệp để cung cấp thông tin tài chính một cách chính xác và nhanh nhất.

Về hệ thống sổ sách kế toán : Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “ **Nhật ký chung**”, các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng được tuân thủ theo quy định

chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất. Các sổ sách kế toán và ghi chép số liệu một cách trung thực đầy đủ rõ ràng để hiểu đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác có liên quan. Đảm bảo cho việc kiểm soát, bảo quản một cách dễ dàng và nhanh chóng.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung và công tác doanh thu chi phí xác định kết quả kinh doanh nói riêng thì công ty còn một số mặt hạn chế nhất định cần khắc phục .

Về quá trình luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng trong công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc tập hợp luân chuyển chứng từ do chưa có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận đến phòng tài chính - kế toán để xử lý hạch toán dẫn đến kỳ sau mới xử lý được nên thường có tình trạng quá tải công việc vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm khi chứng từ cùng về một lúc.

Về hệ thống sổ kế toán:

Kế toán sử dụng Sổ Nhật ký chung theo mẫu S03a- DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Tuy nhiên mẫu sổ mà kế toán hiện nay đang sử dụng không chính xác , kế toán chỉ sử dụng một số chỉ tiêu cơ bản để phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Như vậy kế toán sẽ khó phát hiện ra lỗi sai trong quá trình hạch toán khi tổng số tiền phát sinh bên nợ và bên có không bằng nhau.

- Kế toán không mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán). Mục đích của 2 loại sổ này giúp kế toán dễ dàng hơn theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với công ty cũng như của công ty đối với nhà cung cấp. Điều này giúp cho ban lãnh đạo công ty dễ dàng nắm bắt được tình hình nợ phải thu hay nợ phải trả của công ty để từ đó đề ra các chính sách, các giải pháp phù hợp, kịp thời.

- Kế toán không mở sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá và bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá. Điều này sẽ làm kế toán rất khó đối chiếu số liệu TK 156 trên sổ cái.

- Khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế liên quan đến việc bán hàng hoá kế toán không mở sổ chi tiết bán hàng hay sổ chi tiết giá vốn bán hàng. Điều này cũng làm kế toán khó đối chiếu số liệu TK 511, TK 632 trên sổ cái.

Về phương thức hạch toán kế toán:

Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến đổi về quy mô, ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh, hạch toán.... Hơn nữa nhu cầu quản lý nhà nước về tài chính, thuế, ngân hàng, cũng như yêu cầu quản lý của công ty đòi hỏi thông tin cần thiết phải nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Vậy phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp.

Hiện nay, Công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán chỉ làm kế toán excell, word mất khá nhiều thời gian, đôi khi còn có sự sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm: Trong quá trình tiêu thụ chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Về trích lập các khoản dự phòng: Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Nhưng công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hoá tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như

vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây chi phí kinh doanh tăng và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

3.2 Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Minh Nghĩa.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hoá, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hoá, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.3 Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Minh Nghĩa.

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán làm việc vào quy định, hiệu quả với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các

doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.4 Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Minh Nghĩa.

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, tôi nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Tôi xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

3.4.1. Kiến nghị 1: Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán.

Việc hoàn thiện về sổ sách kế toán tại công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa cũng không nhiều phức tạp và sẽ giúp cho việc quản lý và đưa ra quyết định kinh doanh của lãnh đạo công ty hiệu quả hơn, chính xác hơn.

- Công ty nên hoàn chỉnh mẫu sổ nhật ký chung (Mẫu S03a-DN), sổ cái tài khoản (Mẫu S03b- DN) theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Sổ chi tiết hàng hoá để theo dõi cho từng mặt hàng, để thuận tiện cho việc theo dõi tính toán số lượng hàng hoá dịch vụ xuất nhập trong kỳ kế toán công ty

nên mở sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, hàng hoá, sản phẩm cho từng loại mặt hàng, không nên lồng ghép các mặt hàng như sổ theo dõi hàng hoá hiện tại công ty đang làm. Công ty TNHH TM Minh Nghĩa chủ xuất bán các động cơ điện 1 pha, 3 pha với công suất khác nhau, củ phát điện, máy hàn, máy bơm,... Vì vậy công ty nên theo dõi riêng từng mặt hàng để giúp cho việc quản lý, theo dõi được dễ dàng hơn các sản phẩm này. (Mẫu biểu 3.1)

- Từ hệ thống các sổ chi tiết có thể tổng hợp số liệu vào Bảng tổng hợp chi tiết

để dễ đối chiếu sổ cái tài khoản. Cụ thể là các bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, hàng hoá, sản phẩm (mẫu biểu 3.2)

- Khi hạch toán doanh thu công ty cần hạch toán chi tiết bán hàng theo từng loại mặt hàng để có thể nắm được chi tiết từng loại hàng hoá và dịch vụ. Mặc dù công ty có dùng sổ theo dõi Doanh thu bán hàng nhưng để thuận tiện cho việc theo dõi Công ty có thể áp dụng mở sổ chi tiết bán hàng (Bảng biểu 3.3) cho phù hợp với việc áp dụng tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Đối với giá vốn hàng bán để kiểm tra thông tin về số lượng mặt hàng được dễ dàng kế toán công ty nên lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán (Bảng biểu 3.4).

Mẫu biểu 3.1

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa

Địa chỉ: 53- Hùng Vương- Ngô Quyền- HP

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Tên hàng hoá:

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	TK đ.ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				S.lg	T.tiền	S.lg	T.tiền	S.lg	T.tiền
		- SDDK								
		Cộng phát sinh								
		- SDCK								

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.4.2. Kiến nghị 2: Về hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán:

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ giành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hoá của công ty đa dạng. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

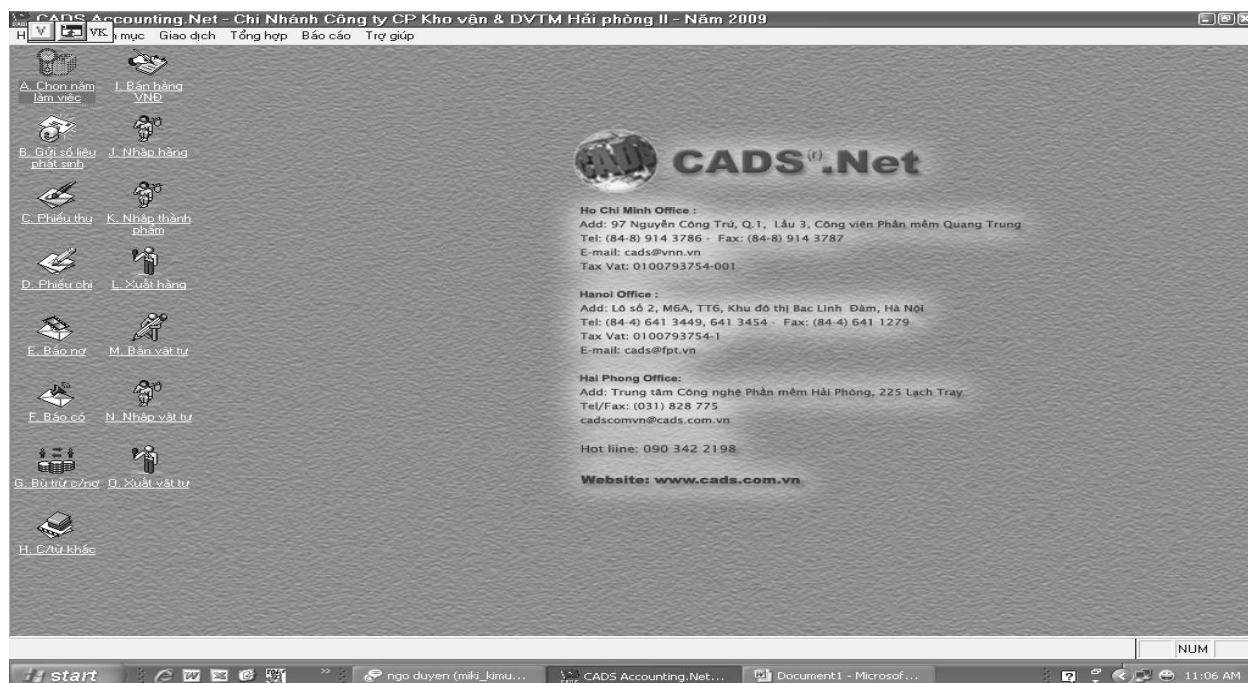
Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm. Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT – BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa
- Phần mềm SAS-INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam.
- Phần mềm CADS - Accounting.Net.

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết (sổ cái, báo cáo tài

chính, bảng kê HĐ GTGT,...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

Ví dụ ứng dụng của phần mềm kế toán:



3.4.3. Kiến nghị 3: Về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Để thu hút được khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng được doanh thu, tăng lợi nhuận. Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán hoặc giảm giá hàng bán.

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hoá.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty có thể giảm giá hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị hợp đồng.
- Đối với khách hàng lần đầu mua hàng, mua với số lượng lớn công ty nên áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ

thường xuyên hơn và thu hút khách hàng mới, tạo lợi thế cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của các doanh nghiệp khác.

Hạch toán khoản chiết khấu thương mại Công ty sử dụng TK 521, nguyên tắc hạch toán của TK 521- Chiết khấu thương mại được quy định cụ thể tại: **“*Chế độ kế toán doanh nghiệp*” - Quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính)**

Phương pháp hạch toán kế toán nghiệp vụ kinh tế.

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại.

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp (33311) (Nếu có)

Có TK 111, 112, 131.

- Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua sang TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Nợ TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 : Chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thanh toán: Là số tiền thưởng cho người mua tính trên tổng số tiền hàng mà người mua thanh toán đúng hoặc trước thời hạn theo hợp đồng.

Chiết khấu thanh toán dành cho người mua khi bán hàng được hạch toán vào tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

Công ty nên áp dụng chính sách này nhằm nhanh chóng hiệu quả trong công tác thanh toán của khách hàng với công ty, tránh tình trạng nợ phải thu khó đòi.

Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thoả thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng kém chất lượng, không đạt tiêu chuẩn các thông số kỹ thuật, giao không đúng hạn,...

Phương pháp hạch toán Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán.

- Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm giá hàng bán sau khi đã phát hành Hoá Đơn ghi theo giá bán bình thường.

- Đối với các khoản giảm giá hàng bán được ghi giảm trừ ngay vào giá bán ghi trên hoá đơn. (***Lưu ý : Hoá đơn phải ghi rõ giảm giá hàng bán của Hoá đơn nào***)

- Cuối kỳ kết chuyển tổng số giảm giá hàng bán sang Tk 511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Công ty nên hạn chế việc giảm giá hàng bán quá nhiều sẽ gây không tốt đến uy tín, chất lượng sản phẩm của công ty, giảm sự cạnh tranh của các sản phẩm. Đặc biệt là đi ngược lại với phương châm của công ty “Uy tín và Chất lượng” đem đến sự hài lòng cho khách hàng.

3.4.4 Kiến nghị 4: Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại công ty TNHH TM Minh Nghĩa.

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu những đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ. Do đặc thù, công ty thương mại chuyên cung cấp những sản phẩm công nghiệp, máy móc thiết bị công nghiệp với giá trị lớn. Vì vậy công ty nên mở TK 139 – “dự phòng phải thu khó đòi” là cần thiết. Phải thu khó đòi là những khoản nợ mà người nợ có hoặc không có khả năng trả nợ đúng hạn trong năm kế hoạch. Doanh nghiệp phải lập dự phòng khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng. Việc lập dự phòng khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo kế toán tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xoá nợ phải thu khó đòi phải theo chế độ tài chính hiện hành.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

Tổng mức dự phòng các khoản phải thu khó đòi không quá 20 % tổng số phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính cuối năm.

Sau khi phải lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi công ty phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng cho các khoản nợ vào bảng kê chi tiết làm căn

cứ để tính toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản phải thu khó đòi được theo dõi trên TK 139.

Phương pháp hạch toán:

+ Cuối kỳ kế toán căn cứ vào khoản nợ phải thu khó đòi, tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Nếu dự phòng năm nay lớn hơn dự phòng cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

+ Nếu số dự phòng trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cuối niên độ trước chưa được sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139:

Có TK 642:

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (theo quy định chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi kế toán ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131: Phải thu của khách hàng hàng

Hoặc ghi Có TK 138: phải thu khác

Đồng thời ghi đơn Nợ TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý (Để theo dõi thu nợ khi khách hàng có điều kiện trả nợ)

Đối với khoản phải thu khó đòi đã xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ 111, 112:

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

3.4.5. Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của công ty TNHH TM Minh Nghĩa:

Thị trường là yếu tố quyết định của quá trình kinh doanh hàng hoá. Do đó để nâng cao hiệu quả kinh doanh, công ty cần có sách lược, chiến lược mở rộng thị trường, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ. Khó khăn lớn nhất hiện nay của công ty là sự cạnh tranh của các đơn vị nhỏ lẻ, sản xuất các sản phẩm nhái lại các sản phẩm của công ty, không đảm bảo chất lượng vậy công ty phải thay đổi kế hoạch trong công tác sản xuất kinh doanh sao cho vừa đáp ứng nhu cầu về lượng cho mọi khách hàng và vừa đảm bảo về giá cả trên thị trường mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm.

Lãnh đạo công ty cần có những chính sách, biện pháp giới thiệu sản phẩm của mình thông qua chính sách quảng cáo để qua đó phát triển thị trường tiêu thụ. Để góp phần nâng cao hiệu quả quảng cáo, công ty phải nghiên cứu kỹ, phải tiến hành thăm dò thái độ của khách hàng, điều quan trọng cuối cùng phải đánh giá hiệu quả kinh tế của quảng cáo bằng cách so sánh chi phí bỏ ra với hiệu quả quảng cáo đem lại.

Với phương châm “ Chất lượng và dịch vụ hậu mãi” đó là điều mà khách hàng đến với Công ty TNHH TM Minh Nghĩa đều rất hài lòng. Vì vậy công ty cần tạo ra một hệ thống các cơ sở đại lý để cung cấp hàng hóa đến tay khách hàng một cách thuận tiện. Trên cơ sở đó công ty nên mở cơ sở xưởng để thoả mãn dịch vụ sửa chữa, bảo hành cho khách hàng một cách thuận tiện nhất.

3.4.6 Chuyển sang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 48/2006:

Công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa là một doanh nghiệp nhỏ với số vốn điều lệ chỉ có 2,5 tỷ (Theo quy định doanh nghiệp vừa và nhỏ có số vốn dưới 10 tỷ đồng và số lượng lao động dưới 300 người), công ty chuyên cung cấp các sản phẩm máy móc, thiết bị công nghiệp như động cơ điện, máy hàn, máy bơm,...và bộ máy quản lý không phức tạp, các khâu đều gọn nhẹ nhằm tiết kiệm chi phí. Vì vậy công ty cũng sử dụng số lượng tài khoản đơn giản.

Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 15/2006. Tuy nhiên xuất phát từ thực tế sản xuất và kinh doanh của công ty hiện nay, công ty nên xem xét đến việc chuyển sang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 48/2006

do Bộ tài chính ban hành ngày 14/9/2006. Khi chuyển sang chế độ kế toán theo QĐ 48/2006, công ty có thể:

- Hợp lý hệ thống tài khoản: Quyết định 48 gồm 51 tài khoản cấp 1 và 5 tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán (Quyết định 15 có 86 tài khoản cấp 1 và 6 tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán). Do số lượng tài khoản kế toán ít hơn nên kết cấu và nội dung phản ánh của nhiều tài khoản theo Quyết định 48 đơn giản hơn so với các tài khoản tương tự của Quyết định 15 và thuận lợi hơn cho việc ghi chép và phản ánh số liệu các tài khoản.

Ví dụ như các tài khoản sau đơn giản theo QĐ48/2006:

159			Các khoản dự phòng
	1591		Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn
	1592		Dự phòng phải thu khó đòi
	1593		Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
642			Chi phí quản lý kinh doanh
	6421		Chi phí bán hàng
	6422		Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Hợp lý trong việc lập báo cáo tài chính: Theo quy định 48/2006 cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

+ **Báo cáo tài chính cần lập:**

- Bảng Cân đối kế toán: Mẫu số B01 - DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B02 - DNN
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B09 - DNN

+ **Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu:**

- Bảng Cân đối tài khoản: Mẫu số F 01- DNN

+ **Báo cáo khuyến khích lập:**

- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Mẫu số B03-DNN

KẾT LUẬN

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề vừa mang tính lý luận, vừa mang tính thực tế cao. Trong công tác quản lý kinh doanh, đặc biệt là trong điều kiện phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thì thông tin kế toán giữ vai trò hết sức quan trọng, quyết định đến sự thành công hay thất bại của một doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Do đó thực hiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một điều tất yếu. Trên góc độ là một kế toán cần phải nhận thức đầy đủ về lý luận và thực tế mặc dù sự vận dụng có thể biểu hiện dưới hình thức khác nhau.

Trong quá trình thực tập, với sự chỉ dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn: Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương và Cô Trương Thanh Hương Kế toán tại Công ty TNHH TM Minh Nghĩa đã giúp em tìm hiểu sâu hơn đề tài khoá luận tốt nghiệp “ *Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Minh Nghĩa*”. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô trong hội đồng và Bộ môn khoa Quản Trị Kinh Doanh, Chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán.

Cuối cùng em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương đã trực tiếp hướng dẫn em và Cô Trương Thanh Hương kế toán tại công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Phạm Thị Lưu Quỳnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 - Chế độ kế toán doanh nghiệp - Bộ tài chính** (*Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính*)
 - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
 - Quyển 2 : Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán
- 2 - Kế toán tài chính** (*Tái bản lần thứ 4 đã chỉnh lý bổ sung theo thông tư số 23/2005/TT-BTC ban hành ngày 30/03/2005*)
- 3 - Kế toán doanh nghiệp** (Theo luật kế toán mới – nhà xuất bản thống kê Hà Nội)
- 4 - Các khoá luận năm trước**
- 5 - Các sổ sách, chứng từ kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại Minh Nghĩa**
- 6 - Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ** (TS.Phạm Duy Đoàn – nhà xuất bản tài chính)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU1

Chương 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP3

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.3

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.3

1.1.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.4

1.1.3 Những vấn đề cơ bản về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.5

1.1.3.1 Khái niệm.5

1.1.3.2 Các loại doanh thu.5

1.1.3.3 Điều kiện ghi nhận doanh thu và thời điểm ghi nhận doanh thu6

1.1.3.4 Các khoản giảm trừ doanh thu.10

1.1.4. Chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp.11

1.1.4.1 Khái niệm11

1.1.4.2 Các loại chi phí.12

1.1.5 Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.13

1.2 Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.14

1.2.1 Nguyên tắc hạch toán doanh thu.14

1.2.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.15

1.2.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.19

1.2.4 Kế toán giá vốn hàng bán.23

1.2.5 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp26

1.2.6 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.29

1.2.7 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.32

1.2.8 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.34

1.2.9 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.36

1.3 Hình thức tổ chức kế toán và tổ chức bộ máy kế toán trong doanh nghiệp. ..39

1.3.1 Các hình thức kế toán.39

1.3.2 Tổ chức bộ máy kế toán.43

Chương 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH NGHĨA.45

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH NGHĨA.45

2.1.1. Quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa.45

2.1.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành tại công ty TNHH Thương mại Minh Nghĩa.49

2.1.3.Đặc điểm bộ máy tổ chức kế toán.....	50
2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH NGHĨA.....	54
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng	54
2.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	68
2.2.3 Kế toán chi phí hoạt động tài chính	73
2.2.4 Kế toán giá vốn hàng bán	76
2.2.5 Kế toán chi phí bán hàng.....	82
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	89
Chương 3 MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM MINH NGHĨA.	98
3.1 Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Minh Nghĩa.	98
3.1.1 Ưu điểm:.....	99
3.1.2 Hạn chế.....	100
3.2 Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Minh Nghĩa.....	102
3.3 Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Minh Nghĩa.....	102
3.4 Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Minh Nghĩa.....	103
3.4.1 Kiến nghị 1: Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán.....	103
3.4.2 Kiến nghị 2: Về hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán:	109
3.4.3 Kiến nghị 3: Về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm.....	110
3.4.4 Kiến nghị 4: Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại công ty TNHH TM Minh Nghĩa.	112
3.4.5 Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của công ty TNHH TM Minh Nghĩa:	114
3.4.6 Chuyển sang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 48/2006:	114
KẾT LUẬN	116
TÀI LIỆU THAM KHẢO	117